CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Trụ sở chính: Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 0243 858 3656 *Fax: 0243 858 3644*

Email: caosusaovang@src.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

SAO VANG RUBBER JOINT-STOCK COMPANY

SRC®

Thách thức mọi con đường

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

DANH MỤC VIẾT TẮT

BĐS	Bất động sản
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
BKS	Ban kiểm soát
BTGĐ	Ban Tổng Giám đốc
BCTC	Báo cáo tài chính
Công ty	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
SRC	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty Cổ phần
DTT	Doanh thu thuần
EPS	Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần
ROA	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT	Hội đồng quản trị
LNST	Lợi nhuận sau thuế
ROE	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chỉ số nổi bật

08 **QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**
Thông tin khái quát
Giải thưởng và thành tựu
Các sự kiện chính
Ngành nghề kinh doanh
Địa bàn kinh doanh
Sơ đồ tổ chức
Tổ chức nhân sự
Cơ cấu cổ đông
Các đơn vị thành viên

28 **ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**
Mục tiêu chủ yếu
Chiến lược phát triển

30 **CÁC RỦI RO**
Rủi ro kinh tế
Rủi ro về pháp luật
Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào
Rủi ro tỷ giá hối đoái
Rủi ro khác

34 **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**
Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019
Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2020
Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

48 **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Tình hình chung
Hoạt động của HĐQT năm 2019
Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2020

56 **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**
Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019
Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của BKS năm 2019
Nhận xét và kiến nghị
Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2020

64 **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN**

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

929.15 Tỷ đồng
Tổng doanh thu năm 2019

41.368 Tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2019

Ông Phạm Hoành Sơn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng, đối tác cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng!

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế tác động tích cực đến nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm nói chung và đối với các sản phẩm của Công ty nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi để công ty phát triển ổn định. Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập kinh tế, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan biến động khó lường như: giá nguyên liệu, năng lượng, tỷ giá,.... Những nhân tố trên có khả năng làm cho nền kinh tế biến đổi và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2019, GDP của Việt Nam tăng 7.02% so với cùng kì năm trước, đây là mức cao trong vòng 10 năm trở lại đây, và thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất toàn cầu. Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp nói riêng vẫn sẽ có dư địa phát triển riêng trong tương lai. Vì vậy, Công ty phải luôn giữ tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

Đối mặt với nhiều khó khăn và biến động khó lường của nền kinh tế toàn cầu, toàn thể ban điều hành Công ty đã có những kế hoạch kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. Trong năm 2019, chỉ số lợi nhuận tăng trưởng mạnh so với năm 2018, cụ thể lợi nhuận sau thuế tăng 326.29 %.

Công tác thị trường luôn được Công ty chú trọng và phát huy có hiệu quả, chất lượng sản phẩm được duy trì tốt, khẳng định được thương hiệu và uy tín đến khách hàng. Cơ cấu lao động của Công ty cơ bản giữ ổn định, không có biến động so với năm 2018. Nhờ kịp thời thực hiện chế độ đã cam kết với người lao động, người lao động yên tâm công tác, luôn chấp hành nội quy, quy chế của Công ty.

Năm 2019 qua đi với dấu mốc quan trọng khi tỷ lệ sở hữu nhà nước tại Công ty chỉ còn ở mức 36%, giảm 15% so với năm đầu năm 2019. Việc thay đổi cơ cấu sở hữu và có sự tham gia của các nhân tố quản trị mới trong năm 2019, hứa hẹn năm 2020 sẽ là một năm đầy cơ hội và thách thức đối với hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Tuy nhiên, với kinh nghiệm điều hành và quyết tâm cao hiện thực nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông giao phó, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng nói chung và ban lãnh đạo nói riêng sẽ phấn đấu để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông dành cho chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Hoành Sơn

01 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thông tin khái quát
Giải thưởng và thành tựu
Các sự kiện chính
Ngành nghề kinh doanh
Địa bàn kinh doanh
Sơ đồ tổ chức
Tổ chức nhân sự
Cơ cấu cổ đông
Các đơn vị thành viên

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
Tên tiếng Anh	**Sao Vang Rubber Joint Stock Company**
Mã chứng khoán	SRC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0100100625 cấp lần đầu ngày 03/04/2006 Thay đổi lần gần nhất ngày 08/03/2019 tại Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
Vốn điều lệ	280.657.650.000 đồng
Địa chỉ	Số 231, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Website	http://www.src.com.vn
Email	caosusaovang@src.com.vn
Logo	SRC
Nơi niêm yết	Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
Khối lượng đang NY	28.065.765 cổ phần
Giá chào sàn	**42.000 đồng**
Ngày niêm yết đầu tiên	07/10/2009
Tổng giá trị NY	280,657,650,000 đồng
Slogan	Thách thức mọi con đường

GIẢI THƯỞNG VÀ THÀNH TỰU

THƯƠNG HIỆU MẠNH Việt Nam
VIETNAM EXCELLENT BRAND

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

TOP 50 sản phẩm Vàng

Sản phẩm lốp ô tô, lốp xe máy năm 2013

TOP 10 sản phẩm Vàng

Sản phẩm lốp máy bay

SỰ KIỆN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT NĂM 2017

23/05/1960 — Nhà máy Cao su Sao vàng được thành lập

27/08/1992 — Nhà máy Cao su Sao Vàng được đổi tên thành Công ty Cao su Sao Vàng theo quyết định số 645/CNNG của Bộ Công Nghiệp nặng

24/10/2005 — Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được thành lập theo quyết định số 3500/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng

03/04/2006 — Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với vốn điều lệ là 49.048.000.000 đồng.

07/12/2006 — Công ty thay đổi lại đăng ký kinh doanh lần đầu với số vốn điều lệ là: 80.000.000.000 đồng

27/07/2007 — Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 với số vốn điều lệ là: 108.000.000.000 đồng

07/10/2009 — Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SRC.

20/07/2012 — Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 3 với số vốn điều lệ là: 162.000.000.000 đồng.

02/08/2013 — Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 6 với vốn điều lệ là: 182,249,940,000 đồng.

14/07/2015 — Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 7 với vốn điều lệ: 200.474.150.000 đồng.

25/11/2016 — Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 8 với vốn điều lệ: 280.657.650.000 đồng.

08/03/2019 — Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 9 với vốn điều lệ: 280.657.650.000 đồng. Ông Nguyễn Việt Hùng – TGĐ là người Đại diện Pháp luật của Công ty.

06/2019 — Tập đoàn hóa chất Việt Nam thoái thành công 15% cổ phần tại SRC, tỷ lệ nắm giữ còn lại là 36%

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh các sản phẩm cao su

Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành Cao su

Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, hóa chất phục vụ sản xuất ngành công nghiệp Cao su

Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng kho bãi

Sản phẩm chính của Công ty

Lốp các loại (xe đạp, xe máy, ô tô, máy bay, ...): SRC cung cấp ra thị trường các chủng loại sản phẩm lốp rất đa dạng và phong phú, trong đó phải kể đến hơn 100 quy cách lốp ô tô, 55 quy cách lốp xe máy và 37 quy cách lốp xe đạp,...

Săm các loại (săm ô tô, săm xe máy, săm xe đạp): Các sản phẩm săm do Công ty cung cấp ra thị trường có các đặc tính kỹ thuật phù hợp với thời tiết Việt Nam như: độ kín khí cao, chịu được thời tiết nhiệt đới nóng và dễ dàng sửa chữa.

Sản phẩm chính của Công ty

Bằng tải: Các sản phẩm băng tải trên dây chuyền đồng bộ tiên tiến với quy cách và mẫu mã phong phú. Băng tải có khả năng chịu tải và sức kéo lớn, có khả năng chịu môi trường nhiệt độ cao, chịu được ăn mòn lớn phục vụ các công trường khai thác, công trường xây dựng, các nhà máy hóa chất, khai thác khoáng sản,...

Cao su Kỹ thuật: Các sản phẩm cao su sử dụng trong kết cấu, chi tiết máy được nghiên cứu phù hợp với chức năng sử dụng, chịu được các môi trường: dầu, hóa chất ăn mòn, dung môi,...

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty tại thị trường trong nước chủ yếu ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam đem lại 741.662 tỷ đồng, chiếm 80,83% doanh thu thuần cho Công ty trong năm 2019

Thị trường miền Bắc chiếm 75,97%

Thị trường miền Trung chiếm 11,65%

Thị trường miền Nam chiếm 12,38%

Ngoài ra, sản phẩm của Công ty còn được các doanh nghiệp nước ngoài nhập khẩu. Doanh thu khu vực xuất khẩu đạt 7,48 triệu USD chiếm 19,17% tỷ trọng trong tổng doanh thu thuần năm 2019, tăng 1,9% so với kế hoạch đầu năm và tăng 3,1% so với kết quả thực hiện năm 2018.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Mô hình quản trị công ty: Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng duy trì mô hình tổ chức bao gồm 10 phòng ban đặt tại trụ sở chính, 03 xí nghiệp và 03 chi nhánh trực thuộc, cụ thể như sau:

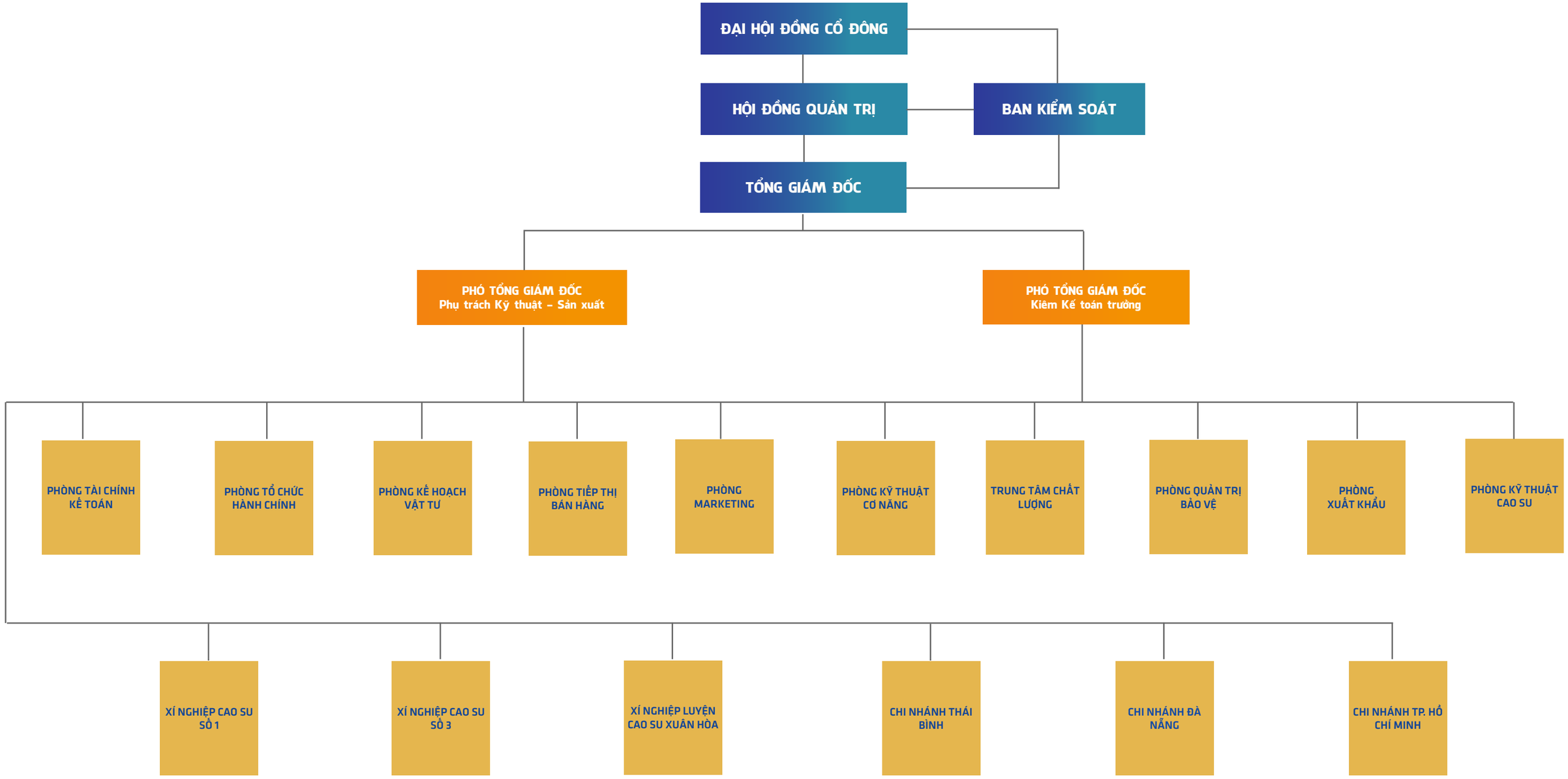

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phạm Hoành Sơn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 04/12/1972

Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

- 1990 – 1995: Học tại trường Quản lý kinh tế
- 1996 – 2003: Phó Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hoành Sơn
- 2003 – 2008: Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hoành Sơn
- 2008 – nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn
- 2016 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần dầu khí đầu tư khai thác cảng Phước An; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vũng Áng; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn

Cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: 0

Ông Nguyễn Việt Hùng

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 29/09/1967

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư điện, kỹ sư tin học

Quá trình công tác:

- 1997 – 1999: Kỹ sư - XN năng lượng - Công ty Cao su Sao Vàng
- 1999 – 2000: Kỹ sư - P. KTCN - Công ty Cao su Sao Vàng
- 2000 – 2002: Thư ký Giám đốc - Công ty Cao su Sao Vàng
- 2002 – 2003: Phó phòng KTCN - Công ty Cao su Sao Vàng
- 2003 – 4/2006: P. Giám đốc XNCS3 - Công ty Cao su Sao Vàng
- 4/2006 – 9/2006: P. Giám đốc XNCS3 - Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
- 10/2006 – 02/2007: P. Giám đốc XNNL - Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
- 02/2007 – 09/2010: Giám đốc - XNCS3 - Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
- 10/2010 – 10/2012: Giám đốc- XN CS1- Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
- 10/2012 – 04/2018: P. Tổng GĐ- Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
- 04/2018 – 02/2019: TV HĐQT, P. Tổng GĐ- Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
- 03/2019 – nay: TV HĐQT, Tổng GĐ- Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
- Sở hữu cá nhân: 12 cổ phần
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 2.806.650 cổ phần.

Ông Lâm Thái Dương

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 23/05/1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Quá trình công tác:

- 8/1983-12/1986: Kỹ sư cơ điện- Công ty Pyrit Vĩnh Phú
- 01/1987-12/1989: Phó phòng cơ điện - Công ty Pyrít Giáp lai, Vĩnh Phú
- 01/1990-12/1990: Q. TP Cơ điện- CT Pyrít Giáp lai, Vĩnh Phú
- 01/1991-12/1994: Trưởng phòng Cơ điện -CT Pyrít Giáp lai, Vĩnh Phú
- 01/1995-08/1995: Trợ lý Giám đốc - CT Pyrít Giáp lai, Vĩnh Phú
- 09/1995-08/2003: Phó Giám đốc -CT Pyrít Giáp lai, Vĩnh Phú
- 09/2003-05/2009: Phó Giám đốc BQLDA - Ban QLDA DAP Hải Phòng
- 06/2009-01/2012: Phó Tổng giám đốc - Cty TNHH MTV DAP Vinachem
- 02/2012- 12/2014: Chủ tịch HĐTV - Cty TNHH MTV DAP Vinachem
- 12/2014- 4/2018: Chủ tịch HĐQT- CTCP Phân lân Nung chảy Văn Điển
- 01/2015 đến nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP DAP Vinachem
- 05/2015 -4/2018: Chủ tịch HĐQT -CTCP Phân bón Miền Nam
- 12/2015 – 12/2019: Chủ tịch HĐQT - CTCPCao su Sao Vàng

Cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 4.490.815 cổ phần

Ông Nguyễn Văn Hùng

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 30/09/1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1991- 2000: Công ty Thủy Nông Bắc Đuống
- 2001 – 2010: Công ty Dầu khí Thái Bình
- 2010 – 2015: Kinh doanh tự do
- 2015 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đông Thịnh Phát
- 2016 – nay: Giám đốc Công ty Hưng Thịnh Phát

Cổ phiếu nắm giữ

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Ông Nguyễn Văn Thành

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 01/06/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- 2001 – 2004: Chuyên viên pháp lý – Ban QLDA nhà máy xi măng Sông Gianh Cosevco – Quảng Bình
- 2004 – 2010: Tợ lý Giám đốc – Phụ trách TCHC – Công ty xi măng Sông Gianh Cosevco – Quảng Bình
- 2011 – 2013: Trưởng phòng TCHC – Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh
- 2013 – 2015: Trợ lý Giám đốc kiêm TP TCHC – Công ty CP Đầu tư và Phát triển Vũng Áng
- 2015 – nay: PGĐ ban Đầu tư – Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn kiêm Trưởng ban QLDA

Cổ phiếu nắm giữ

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

BAN KIỂM SOÁT

Ông Trần Minh Tuấn

Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 17/08/1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 11/2000 – 10/2001: Chuyên viên - XN Luyện Xuân Hòa, Công ty CP cao su Sao vàng
- 11/2001 – 03/2002: Chuyên viên- CN TP. Hồ Chí Minh- Công ty CP cao su Sao vàng
- 4/2002-8/2003: Chuyên viên - Phòng TCKT - Công ty Cổ phần cao su Sao vàng
- 9/2003-10/2005: Chuyên viên- CN Đà Nẵng - Công ty Cổ phần cao su Sao vàng
- 11/2005-12/2014: Chuyên viên- Phòng TCKT – Công ty Cổ phần cao su Sao vàng
- 1/2015-7/2015: Chuyên viên- Văn phòng – Công ty Cổ phần cao su Sao vàng
- 8/2015- 4/2016: Phó chánh VP- Văn phòng – Công ty Cổ phần cao su Sao vàng
- 5/2016 đến nay: Trưởng BKS - Công ty Cổ phần cao su Sao vàng

Cổ phiếu nắm giữ

Sở hữu cá nhân: 1,411 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 13/02/1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 2008 – 02/2009: Kế toán – Công ty TNHH Kinh doanh và kim khí Huy Hùng
- 03/2009 – 09/2009: Kế toán trưởng Công ty CP Kiến trúc TĐT
- 10/2009 – 12/2016: Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu Tư Vạn Hưng Phát
- 01/2017 – nay: Kế toán trưởng – Công ty Imperial Land

Cổ phiếu nắm giữ

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Bà Vũ Thị Mai Nhung

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 17/12/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1988 – 1999: Nhân viên kế toán, Công ty Xây dựng số 25 – Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng
- 2000 – 2007: Biên tập viên, Kế toán – NXB Thống kê
- 2008 – 2011: Chuyên viên phòng Tiếp thị bán hàng – CTCP Cao su Sao Vàng
- 2011 – 2015: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, thành viên Ban Kiểm soát- Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
- 2015 – nay: Chuyên viên Ban kế hoạch kinh doanh – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- 2018 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Pin Ắc Quy miền Nam

Cổ phiếu nắm giữ

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Việt Hùng

Tổng giám đốc

Đã giới thiệu tại mục Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quang Hào

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 18/10/1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá Polime Đại học Bách khoa Hà Nội.

Quá trình công tác:

- 1985 - 6/1997: Cán bộ kỹ thuật - XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng
- 07/1997 - 5/2001: Giám đốc PT sản xuất - Công ty cao su Inoue Việt Nam
- 05/2001 - 1/2003: P. Giám đốc - XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng
- 01/2003 - 3/2006: Giám đốc - XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng
- 04/2006 - 1/2007: Giám đốc - XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 02/2007 - 4/2011: P. Tổng Giám đốc - Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 05/2011 – 4/2016: TV. HĐQT, P. TGĐ- Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 05/2016 – đến nay: P. Tổng Giám đốc - Công ty CP Cao su Sao Vàng

Cổ phiếu nắm giữ

Sở hữu cá nhân: 37.467 cổ phần

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Ngày sinh: 26/07/1973

Trình độ chuyên môn: Tài chính kế toán.

Quá trình công tác:

- 05/1995 - 5/2002: Nhân viên - P. TCKT - Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 06/2002 - 09/2012: Phó phòng TCKT - P. TCKT - CTCP Cao su Sao Vàng
- 09/2012 –04/2016: Phó phòng TCKT - P. TCKT kiêm Thư ký Công ty - CTCP Cao su Sao Vàng
- 04/2016 - 12/2016: Phó phòng TCKT, Thư ký Công ty, TV HĐQT - CTCP Cao su Sao Vàng
- 12/2016 - 04/2018: TV. HĐQT, TP. TCKT - CTCP Cao su Sao Vàng
- 04/2018 – 12/2019: TV. HĐQT; Kế toán trưởng- Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 12/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng- Công ty CP Cao su Sao Vàng

Cổ phiếu nắm giữ

Sở hữu cá nhân: 07 cổ phần

Đại diện phần vốn Nhà nước: 2.806.650 cổ phần

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

Chế độ làm việc tại SRC được áp dụng theo đúng Bộ luật Lao động mỗi ngày làm 8 giờ và 48 giờ/ tuần. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất thực hiện chia 3 ca làm việc, lương được tính theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Bảo hiểm và phúc lợi

Công ty thực hiện trích nộp đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và chế độ bảo hộ lao động cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Công đoàn Công ty luôn quan tâm, giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ phép, ... kịp thời, theo đúng quy định của nhà nước.

Chính sách lương

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc thù ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng nhân viên

Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp. Công ty có ban hành quy chế khen thưởng các danh hiệu thi đua hàng năm. Theo đó, các chỉ tiêu khen thưởng được công bố công khai, rõ ràng, minh bạch tới từng cán bộ, công nhân viên.

Chính sách tuyển dụng

- Xây dựng quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ, chú trọng công tác đề bạt, bổ nhiệm, bố trí sử dụng cán bộ, công nhân hợp lý, duy trình thường xuyên chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ trên nguyên tắc có sự luân chuyển và bảo đảm khách quan, công bằng dựa trên năng lực đạo đức cán bộ.
- Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ làm cơ sở cho công tác tuyển dụng, kiểm tra đánh giá cán bộ, thực hiện chế độ thi tuyển song song với việc thực hiện các chế độ ưu đãi, thu hút nhân tài, ưu tiên con em cán bộ công nhân viên đủ điều kiện theo quy định của Công ty.
- Đào tạo mới, đào tạo lại theo hướng đào tạo tại chỗ hoặc liên kết đào tạo lực lượng công nhân kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi và có chính sách phù hợp khuyến khích người lao động tự học tập nâng cao trình độ, năng lực.

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Năm 2019, Công ty đối mặt với sự thiếu hụt lao động khối sản xuất, dẫn đến sự sụt giảm về số lượng nhân sự toàn Công ty.

Nguyên nhân của sự sụt giảm lao động khu vực sản xuất có thể kể đến mức thu nhập chưa cao và việc tuyển dụng lao động thay thế gặp nhiều khó khăn.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Trong năm 2019, Công ty có sự thay đổi trong cơ cấu sở hữu khi Nhà nước thoái 15% vốn tại Công ty, tỷ lệ sở hữu nhà nước hiện tại còn 36%

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	10.104.115	36,00	01	01	-
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	2.363.840	8,43	01	-	01
- Trong nước	2.363.840	8,43	01	-	01
- Nước ngoài	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	2.397	-	-	-	-
Cổ đông khác	15.595.413	55,57	-	-	-
- Trong nước	15.567.401	55,47	2.380	51	2.329
- Nước ngoài	28.012	0,10	21	8	13
Tổng cộng	**28.065.765**	**100**	**2.404**	**61**	**2.343**
Trong đó: - Trong nước	28.037.753	99,90	2.383	53	1.05%
- Nước ngoài	28.012	0,10	21	8	13

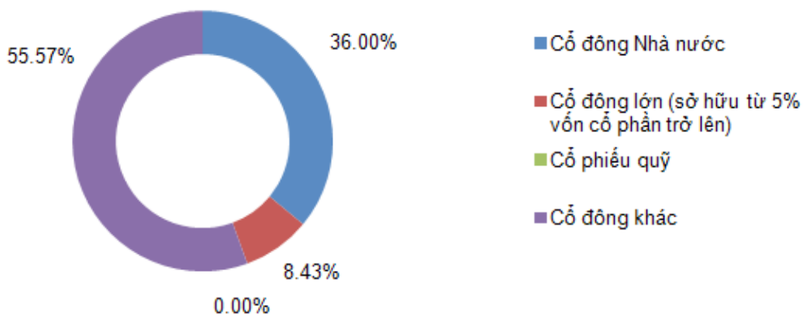

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY CON Tính đến hết ngày 31/12/2019, Công ty không có công ty con

CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

STT	Tên công ty	Loại hình	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ đã góp	Tỷ lệ sở hữu
1	**Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn**	**Công ty liên doanh, liên kết**	Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	500.000.000.000	130.000.000.000	26%
2	**Công ty CP Philips Carbon Black**	**Công ty liên kết**	Lô đất số 4, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A - Huyện Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất than cốc	120.629.462.257	8.444.062.358	7%

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

XÍ NGHIỆP CAO SU SỐ 1

- Địa chỉ: Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

- Sản phẩm chính: Săm lốp xe máy; Săm xe đạp; Săm, yếm ô tô; Màng lưu hoá lốp; Săm máy bay các loại; Gia công bán thành phẩm cho đơn vị bạn và khách hàng khi được Công ty giao.

XÍ NGHIỆP CAO SU SỐ 3

- Địa chỉ: Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

- Sản phẩm chính: Lốp ô tô các loại; Lốp máy bay các loại; Gia công bán thành phẩm cho đơn vị bạn và khách hàng khi được Công ty giao.

XÍ NGHIỆP LUYỆN CAO SU XUÂN HÒA

- Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, P. Xuân Hòa, Tp. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc

- Sản phẩm chính: Cao su bán thành phẩm

CHI NHÁNH THÁI BÌNH

- Địa chỉ: Số 5 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Sản phẩm chính: Săm, lốp xe đạp các loại, săm xe máy và lốp xe thổ

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

- Sản phẩm chính: Tiếp thị, trung chuyển sản phẩm, chăm sóc khách hàng khu vực miền Trung, Tây Nguyên

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ: Số 63 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

- Sản phẩm chính: Tiếp thị, chăm sóc khách tại TP Hồ Chí Minh và khu vực miền Nam

02 ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu

Chiến lược phát triển

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Duy trì vị thế là thương hiệu sản xuất lốp xe và sản phẩm Cao su kỹ thuật hàng đầu về chất lượng ở Việt Nam
- Giữ vững thị trường sản phẩm truyền thống. Tập trung phát triển các dòng sản phẩn mới, chiến lược như: Lốp ô tô cỡ lớn, lốp nông/lâm nghiệp, Băng tải cường lực cao, Săm ô tô Butyl, lốp ôtô Radian, lốp xe máy không săm, lốp xe đạp điện, săm xe máy Butyl...
- Mở rộng hợp tác toàn diện với các đối tác xuất khẩu uy tín. Tận dụng lợi thế các chính sách thương mại thế giới đối với công nghiệp sản xuất săm lốp.
- Đổi mới thiết bị và công nghệ, đồng thời nghiên cứu hợp tác với các đối tác nước ngoài để sản xuất các sản phẩm mới đạt chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế trong nước và xuất khẩu trong 10 năm tới.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Chiến lược trung và dài hạn

- Công ty đang triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Di dời và sản xuất lốp Radial đến địa điểm mới.

Chiến lược đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Tuân thủ quy trình, quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các xí nghiệp, nơi sản xuất và vùng lân cận.
- Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy, xí nghiệp. Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.
- Công ty đang áp dụng hệ thống Quản lý môi trường theo ISO 14001
- Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân, những trường hợp khó khăn trong địa bàn nơi Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của Công ty.

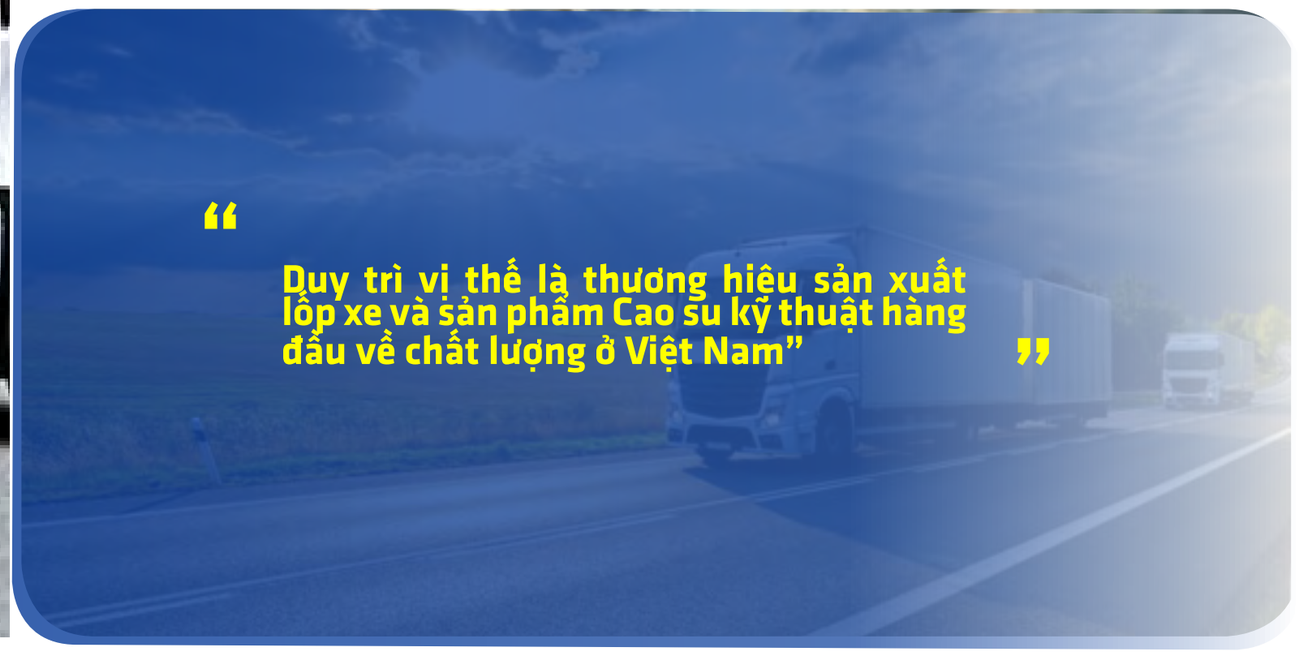

03 CÁC RỦI RO

Các rủi ro kinh tế

Rủi ro về pháp luật

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào

Rủi ro tỷ giá hói đoái

Rủi ro khác

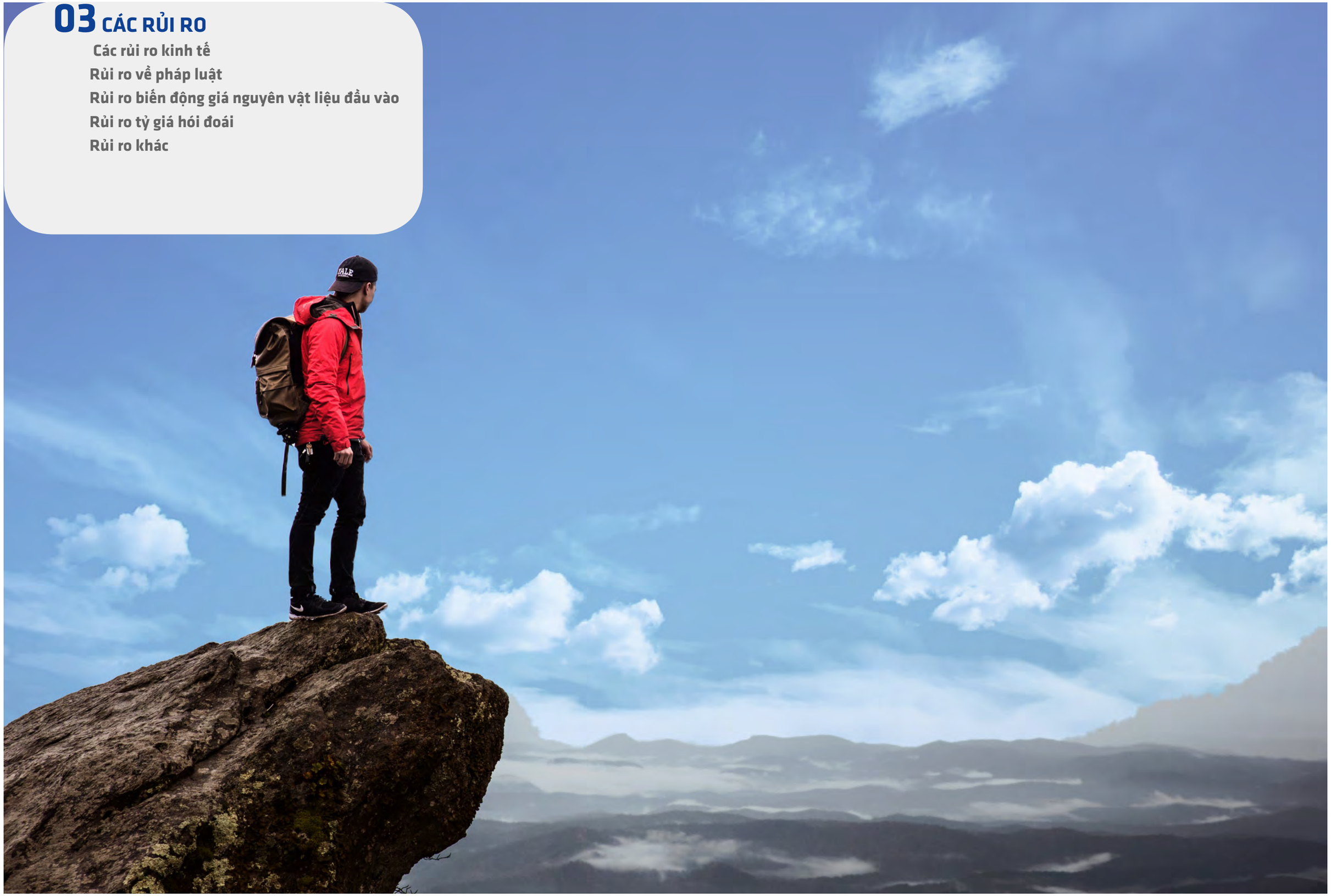

CÁC RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO KINH TẾ

Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế tác động tích cực đến nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm nói chung và đối với các sản phẩm của Công ty nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi để công ty phát triển ổn định. Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập kinh tế, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan biến động khó lường như: giá nguyên liệu, năng lượng, tỷ giá, ... Những nhân tố trên có khả năng làm cho nền kinh tế biến đổi và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), mặc dù tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo sẽ giảm tốc nhưng Việt Nam vẫn có khả năng giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao so với các quốc gia trong khu vực. Trong năm 2019, GDP của Việt Nam tăng 7,02% so với cùng kì năm trước, đây là mức cao trong vòng 10 năm trở lại đây, và thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất toàn cầu. Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp nói riêng vẫn sẽ có dư địa phát triển riêng trong tương lai. Vì vậy, Công ty phải luôn giữ tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

Xét về lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 tăng 2,79% - mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua. Theo dự báo của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), tỷ lệ lạm phát sẽ tăng lên ở mức 3,5% vào năm 2020, tương đương với mức kế hoạch của chính phủ.

Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp nói riêng vẫn sẽ có dư địa phát triển riêng trong tương lai. Vì vậy, Công ty phải luôn giữ tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

RUI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản luật liên quan khác. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Để đáp ứng sự thay đổi của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, các bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, điều này đòi hỏi Công ty phải có bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động kinh doanh để hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực từ việc thay đổi này.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải mành, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn. Nguyên liệu đầu vào chiếm khoảng 70 – 75% giá thành sản phẩm. Vì vậy, khi có sự biến động giá nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận của doanh nghiệp. Chính sách tăng giá cân đối đầu ra – đầu vào có thể làm giảm sản lượng tiêu thụ các loại nếu như SRC không tính toán kỹ lưỡng mức dự trữ hàng tồn kho và có chiến lược giá bán hợp lý trong từng giai đoạn phù hợp với dự báo biến động giá.

Để đối phó với rủi ro này, Công ty đã duy trì các mối quan hệ truyền thống với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để đảm bảo nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào ổn định, chất lượng đảm bảo, giá cạnh tranh. Đầu tư nghiên cứu công tác dự báo và thông tin đối thủ cạnh tranh để xây dựng được chiến lược giá bán linh hoạt, hợp lý.

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Nguyên liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất chiếm tỷ trọng tương đối cao trong Công ty, hoạt động này chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động tỷ giá. Tuy nhiên tính tới tháng 12/2019, tỷ giá USD/VND tương đối ổn định và gần như tương đương với với thời điểm cuối năm 2018. So với một số đồng tiền khác trong khu vực, biến động của Việt Nam đồng so với USD cũng khá ổn định: Thái Lan (+6,8%), Indonesia (+2,5%), Philippines (+2,5%), Malaysia (-0,9%), Trung Quốc (-2,7%), Ấn Độ (-2,0%) và Hàn Quốc (-6,4%).

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và kinh nghiệm lâu năm trong ngành, SRC đã và đang nỗ lực trong công tác dự báo thị trường, dự báo nhu cầu nguyên vật liệu để đảm bảo cân đối nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và nhu cầu sử dụng ngoại tệ để hạn chế những bị động khi tỷ giá biến động cũng như khi thị trường nguyên vật liệu thế giới biến động.

RỦI RO KHÁC

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý trí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn,... hay những rủi ro đến từ những yếu tố mang tính vĩ mô của nền kinh tế là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty đều là những rủi ro khó lường. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản để phần nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để nắm bắt được những thay đổi trong nền kinh tế, từ đó vạch ra đường lối phát triển phù hợp cho Công ty.

03 BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019
Phương hướng sản xuất knh doanh năm 2020
Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2019, nền kinh tế đã có những khởi sắc so với năm 2018 tuy nhiên chưa thực sự tạo cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ cho ngành công nghiệp nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. Năm 2019, Công ty đối mặt với nhiều cơ hội khi Quy hoạch phát triển công nghiệp ô tô đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, công nghiệp ô tô được định hướng thành ngành công nghiệp quan trọng của Việt Năm.

Trong bối cảnh này, tốc độ tăng trưởng về giá trị của thị trường săm lốp Việt Nam được dự báo sẽ đạt khoảng 8%/năm giai đoạn 2018 – 2020, cao gấp 2 lần so với mức bình quân của thế giới, đồng thời cũng cao hơn mức bình quân 6% của nhóm thị trường đang phát triển.

Ngoài những thuận lợi chung của ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm cao su là giá nguyên vật liệu ở mức thấp và ổn định hơn so với năm 2018 thì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn như:

- Sự canh tranh khốc liệt các sản phẩm săm lốp nói chung của không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam.
- Thị trường săm, lốp ô tô quá khó khăn do lốp nội tăng giá trong khi đó hàng Trung Quốc và đặc biệt là lốp Chengshin, Maxxis không tăng giá dẫn đến tiêu thụ quá khó khăn.
- Thị trường săm, lốp xe máy khó khăn hơn do xuất hiện nhiều thương hiệu mới chất lượng tốt, giá rẻ là Wanlock và Sobec cộng thêm hệ thống lắp ráp suy giảm do bản quyền nên tình hình rất khó khăn, đặc biệt là những tháng cuối năm 2019.
- Xu hướng chuyên đổi lốp ô tô từ bias sang radian trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này
- Lốp xe máy không săm dần thay thế lốp có săm. Công ty đã sản xuất lốp không săm tuy nhiên chùng loại còn chưa đa dạng, chất lượng có độ ổn định chưa cao
- Lực lượng lao động thiếu hụt ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng, năng suất lao động, doanh thu bán hàng và thu nhập của người lao động.
- Rào cản kỹ thuật làm giảm sản lượng xuất khẩu do Công ty chưa được cấp chứng nhận chất lượng GSO để xuất khẩu sản phẩm sang các nước Trung đông.
- Việc tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn, có sự chênh lệch lớn giữa lao động tuyển vào và lao động nghỉ việc dẫn đến thiếu hụt lao động tại tất cả các đơn vị trong toàn Công ty.

Kết thúc năm 2019, Tổng doanh thu của Công ty là 929,15 tỷ, đạt 100,78% so với kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 27/04/2019, Tổng sản lượng đạt 15.412.763 chiếc, giảm 3,37% so với sản lượng năm 2018 và đạt 96,88% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 51,71 tỷ tăng 246,23% so với kế hoạch năm 2019 do Công ty chủ động kiểm soát giảm chi phí bán hàng, chi phí tài chính và giá nguyên vật liệu đầu vào diễn biến thuận lợi so với năm 2018.

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2019

Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	TH 2019 / TH 2018	TH/KH 2019
Sản lượng sản xuất	Chiếc	15.948.739	15.907.643	15.412.763	96,63	96,88
Lốp xe đạp	Chiếc	3.219.743	3.106.000	3.154.266	97,96	101,55
Săm xe đạp	Chiếu	3.952.499	4.013.000	4.253.481	107,61	105,99
Lốp xe máy	Chiếc	1.207.950	1.190.000	1.049.655	86,89	88,20
Săm xe máy	Chiếc	6.932.129	6.959.000	6.407.936	92,43	92,08
Lốp ô tô	Chiếc	317.161	310.320	277.129	87,37	89,30
Săm ô tô	Chiếc	222.392	232.045	186.964	84,06	80,58
Yếm ô tô	Chiếc	96.865	97.278	83.332	86,02	85,66
Sản lượng tiêu thụ	Chiếc	15.715.697	15.907.643	15.944.254	101,45	100,23
Lốp xe đạp	Chiếc	3.213.660	3.106.000	3.242.832	100,90	104,40
Săm xe đạp	Chiếc	4.199.631	4.013.000	4.271.888	101,72	106,45
Lốp xe máy	Chiếc	1.133.377	1.190.000	1.086.680	95,87	91,31
Săm xe máy	Chiếc	6.546.564	6.959.000	6.768.151	103,38	97,25
Lốp ô tô	Chiếc	307.693	310.320	286.364	93,08	92,28
Săm ô tô	Chiếc	220.703	232.045	201.089	91,11	86,65
Yếm ô tô	Chiếc	94.069	97.278	87.250	92,75	89,69
Doanh thu	Tỷ đồng	928.60	922.00	929.14	100,06	100,77
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15.84*	21.00	51.71	326,45	246,23

(*) Lợi nhuận trước thuế năm 2018 được điều chỉnh dựa theo kết quả hồi tố thể hiện trên Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 24/07/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Kết quả kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
Sản lượng sản xuất	Chiếc	15.948.739	15.412.763
Sản lượng tiêu thụ	Chiếc	15.715.697	15.944.254
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	925,24	926,22
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,68	41,37
Lãi cơ bản trên CP	Đồng	452	1.474

Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu bán hàng hóa	915,86	915,20
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10,72	11,89
Doanh thu bán vật tư	2,02	2,06
Tổng	928,60	929,15

TỔNG DOANH THU ĐẠT 929,15 TỶ ĐỒNG, ĐẠT 100% KẾ HOẠCH
LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT 51,71 TỶ ĐỒNG, TĂNG 246,23%

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019

Công tác Quản lý điều hành sản xuất

Trong năm 2019, Công ty đối mặt với nhiều thay đổi của thị trường và công tác quản trị điều hành, nhưng Ban lãnh đạo đã kịp thời thích ứng, điều chỉnh các chính sách trong điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động.

- Công tác nguyên vật liệu đầu vào: Có chính sách dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào. Duy trì hợp tác với các nhà cung cấp với giá cả hợp lý, chất lượng ổn định, đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tích cực tìm thêm các nhà cung cấp trong nước mới, cung cấp các vật tư phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh, giảm áp lực nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu.

- Công tác tiêu thụ sản phẩm: Xây dựng kế hoạch, mục tiêu cho từng tháng, từng quý và đốc thúc, chỉ đạo thực hiện. Tiếp tục rà soát, tổ chức lại hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước. Triển khai các phương án tiếp cận khách hàng mới nhằm thực hiện mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất.

- Công tác thực hiện tiết kiệm: Rà soát, bổ sung các quy định, quy chế nhằm kiểm soát chặt tiết giảm chi phí, tiết kiệm trong hoạt đông sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất. Đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, quy chế mua sắm vật tư đã ban hành. Các chương trình tiết kiệm năng lượng, định mức nguyên vật liệu, ...được triển khai thực hiện qua các phong trào thi đua đến người lao động.

- Tồn kho sản phẩm: Theo dõi, cân đối và điều chỉnh hợp lý giữa sản xuất và tiêu thụ, có hạn mức tồn kho dự trữ hợp lý, đảm bảo kịp thời sản phẩm cung cấp cho thị trường.

Bên cạnh đó, công tác quản lý điều hành còn một số mặt tồn tại cần khắc phục như:

- Công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các xí nghiệp sản xuất chưa thực sự hiệu quả. Việc quản lý lao động, quản lý công nghệ ở một vài đơn vị có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu, phục vụ đạt hiệu quả chưa cao.

- Bố trí, sắp xếp lao động chưa đạt hiệu quả cao do sự thiếu hụt lao động và sự giảm quy mô sản xuất, cơ cấu sản phẩm bị thay đổi dẫn đến năng suất lao động đạt thấp. Bộ máy quản lý, gián tiếp, phục vụ đạt hiệu quả chưa cao.

- Chưa khắc phục triệt để các nguyên nhân làm giảm chất lượng lốp (Độ mái mòn nhanh, nứt rãnh hoa đối với lốp hoa dọc)

- Công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới chưa được đầu tư đáp ứng nhu cầu thay đổi ngày càng hiện đại của thị trường.

Công tác tổ chức nhân sự, lao động tiền lương

- Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định của pháp luật đối với người lao động

- Đưa vào áp dụng hệ thống thang bảng lương mới theo quy chuẩn kể từ ngày 01/01/2019

- Có chính sách hỗ trợ lao động khối sản xuất trong điều kiện thiếu hụt lao động và việc tuyển mới không bù đắp được số lao động nghỉ việc: Hỗ trợ tiền thuê nhà, chi tiền chuyên cần.

- Thu nhập bình quân của người lao động tăng 5,7% so với năm 2018, ở mức 8.305.000 đồng/ tháng. Tuy nhiên tỷ lệ tăng nhỏ và mức lương vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung khu vực.

Công tác thị trường

Thị trường săm, lốp xe đạp năm 2019 khó khăn khi có sự xuất hiện của các thương hiệu chất lượng, giá rẻ như Wanlock và Sobec. Tuy nhiên, giá bán tăng so với mặt bằng năm trước, thị trường nhích lên, các đơn vị lắp ráp tiến hành lắp ráp đều cả năm chứ không tập trung mùa vụ để tránh tình trạng thiếu hàng. Công ty không tận dụng được thời cơ này do tình trạng thiếu hàng diễn ra đến hết tháng 11/2019. Công ty phải tạm dừng cấp hàng vào miền Trung và miền Nam để giữ thị phần tại Miền Bắc do tình trạng thiếu hụt này.

Thị trường săm, lốp ô tô khó khăn do lốp nội tăng giá, trong khi đó hàng Trung Quốc và đặc biệt là Chengshin, Maxxis, Casumina không tăng giá; chất lượng lốp ô tô nhanh mòn; săm, yếm ô tô có nhiều lỗi được khách hàng phản ánh gây khó khăn cho việc đẩy mạnh tiêu thụ.

Một số thị trường xuất khẩu bị suy giảm doanh số như Campuchia và Malaysia nguyên nhân chủ yếu đến từ giá sản phẩm lốp công trình không thể cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại của DRC, CSM. Bên cạnh đó, chinh sách thuế nhập khẩu tại các nước sở tại tăng cao hơn so với sản phẩm cùng loại nhập từ Trung Quốc nên tính cạnh tranh của sản phẩm giảm.

Trong điều kiện thị trường khó khăn và cạnh tranh gây gắt, Công ty đã thực hiện các giải pháp sau:

- Rà soát, tổ chức lại hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, củng cố thị trường săm lốp ô tô khu vực phía Bắc. Phân tích, đánh giá và đề ra chính sách bán hàng hàng quý và tháng phù hợp với từng loại hình sản phẩm, phù hợp với diễn biến thị trường.

- Đẩy mạnh công tác quảng cáo, xúc tiến thương mại, các chính sách hỗ trợ khách hàng tại điểm bán hàng, đồng thời hỗ trợ cung cấp biển hiệu quảng cáo, vật phẩm trưng bày tại các điểm bán và nhà phân phối trên toàn quốc. Tiếp tục quảng bá thương hiệu trên các phương tiện truyền thông đại chúng: tivi, quảng cáo ngoài trời, website, ...

- Áp dụng chính sách công nợ linh hoạt, tạo sự gắn bó lâu dài của các đại lý, Nhà phân phối.

- Đẩy mạnh công tác bán hàng xuất khẩu, chú trọng công tác tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm chủ lực. Kết quả cả năm 2019, doanh thu xuất khẩu đạt 7,48 triệu USD, tăng 1,9% so với kế hoạch và 3,1% so với kết quả thực hiện năm 2018.

Công tác tài chính

- Đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước ban hành

- Làm tốt công tác huy động vốn, sử dụng hợp lý các nguồn vốn nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty

- Kiểm soát chặt chẽ thu – chi, quản lý dòng tiền có mục đích, có hiệu quả để đảm bảo nguồn phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo việc trích lập các Quỹ của Cong ty từ lợi nhuận còn lại và các khoản trích lập, hoàn nhập dự phòng theo đúng quy định của Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Thường xuyên thu thập thông tin, đánh giá năng lực tài chính của khách hàng. Kiểm soát lượng tồn kho nguyên vật liệu, phụ tùng vật tư, bán thành phẩm và thành phẩm ở mức hợp lý.

- 100% công nhân viên trong Công ty đã được thanh toán lương qua tài khoản ngân hàng.

Công tác khoa học kỹ thuật, chất lượng

Năm 2019, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Cụ thể:

- Nghiên cứu áp dụng sản xuất đại trà chất chống đảo chiều lưu hóa, cải thiện khả năng chịu lão hóa nhiệt cho hỗn hợp cao su mũ lốp ô tô tải nặng đường trường 70S và công trường 96S.

- Hợp lý hóa chi phí lốp xe nâng: 3 quy cách nhằm tiết giảm chi phí nguyên vật liệu

- Sửa đổi thi công lốp tải nhẹ cỡ vành 13-15 inch giảm tỷ lệ sửa chữa và khuyết tật ở hông lốp.

- Tiếp tục nghiên cứu nâng cao chất lượng lốp xe máy không săm và thiết kế các mẫu mã hoa văn mới: tập trung vào mục tiêu tăng khả năng bám đường. Giảm độ dầy lớp cao su kín khí từ 1,5mm xuống 1.0 mm, tiết giảm chi phí khoảng 5.000 đồng/lốp.

- Thay đổi đơn pha chế săm ô tô nâng cao chất lượng, áp dụng dán băng dính hết phần kẹp cho săm cỡ vành 16 trở lên nhằm khắc phục hiện tượng mỏng săm tại vị trí kẹp

- Hiệu chỉnh tăng độ rộng mặt cắt săm xe máy mà vẫn giữ nguyên trọng lượng sản phẩm hạn chế dầy mỏng cục bộ và nứt đầu nối săm.

- Cải tiến công đoạn hút chân không săm xe đạp liền tăng năng suất lao động, giảm 24% tỷ lệ săm phải kiểm tra lại (hút chân không lần 2).

- Nghiên cứu và chỉ đạo sản xuất thành công băng tải gân phục vụ nhu cầu sản xuất tôn lạnh trong toàn quốc. Đây là sản phẩm duy nhất chỉ Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng sản xuất được, đáp ứng theo yêu cầu thị trường so với sản phẩm nhập khẩu trước đây từ Đài loan và Trung Quốc

- Phát triển sản phẩm mới: nghiên cứu thiết kế mới/ cải tiến đưa vào sản xuất 9 quy cách lốp ô tô, 5 quy cách lốp nông nghiệp, 3 quy cách lốp xe máy và 4 quy cách lốp xe đạp.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và công tác cơ điện

Trong năm 2019, công tác đầu tư xây dựng thực hiện việc giao nhận thiết bị máy móc, lắp đặt, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị máy móc thuộc các gói thầu đã ký hợp đồng năm 2019, tổng số 04 gói thầu.

- Công tác cơ điện, sửa chữa lớn máy móc thiết bị được thực hiện tương đối tốt đảm bảo duy trì hệ thống máy móc thiết bị hoạt động ổn định đáp ứng cho sản xuất không để sản xuất bị gián đoạn. Cải tạo trên 50 bộ khuôn săm lốp xe đạp, xe máy, ô tô..., thực hiện trên 60 phương án sửa chữa của phòng KTCN, chế tạo trên 2 tấn phụ tùng các loại.

- Công tác quản lý sử dụng vật tư, linh kiện, phụ tùng cơ điện được giám sát chặt chẽ từ việc nhập, xuất cấp phát, đáp ứng cho việc bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, chủ động trong việc chuẩn bị các vật tư, phụ tùng dự phòng hợp lý nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng.

Công tác ATLĐ - VSCN - PCCN và công tác môi trường

- 100% công nhân được tập huấn về ATLĐ – VSCN – PCCN, cơ cấp cứu

- Kiểm tra định kỳ công tác PCCN và tham gia tập huấn phương án PCCN theo kế hoạch của Cảnh sát PCCC

- Tuân thủ và đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY

Khó khăn

Dự báo năm 2020 nền kinh tế tiếp tục có chiều hướng tích cực, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn. Kinh tế trong nước vẫn chịu nhiều tác động đến tốc độ tăng trưởng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tiếp tục gặp những khó khăn, thách thức như sau:

- Giá nguyên vật liệu đầu vào bao gồm cao su thiên nhiên và các loại nguyên vật liệu khác tiếp tục xu hướng tăng và duy trì ở mức giá cao so với năm 2019. Chi phí sản xuất tăng trong khi giá bán chưa thể tăng lên tương ứng.

- Dịch bệnh Covid-19 đang bùng phát trên thế giới đặc biệt là Trung Quốc, Hàn Quốc ảnh hưởng trực tiếp đến việc nhập nguyên liệu phục vụ sản xuất, đây thực sự là một thách thức lớn nếu không có các phương án dự phòng sẵn sàng đối phó.

- Tiêu thụ sản phẩm chịu sự cạnh tranh rất quyết liệt, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá của các nhà sản xuất trong nước Casumina, DRC và nước ngoài, lốp ô tô radial cỡ lớn và cả cỡ nhỏ nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan có giá rất rẻ, các hãng sản xuất trong nước liên tục giảm giá để cạnh tranh. Trên thị trường, sức cạnh tranh sản phẩm của Công ty còn yếu. Công ty chưa có sản phẩm lốp Radial và sản phẩm mới để thay thế được sự suy giảm sản lượng lốp xe tải nhẹ.

- Việc thay đổi cơ cấu tổ chức từ 51% vốn nhà nước xuống còn 36% vốn nhà nước gây ảnh hưởng đến tâm lý của người lao động. Mức thu nhập chưa cao, sản xuất 3 ca liên tục là những nguyên nhân làm cho việc tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn, từ đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thuận lợi

- Tác động của chính sách thương mại giữa các nước thuộc nhóm dẫn đầu (Mỹ, Trung Quốc), các hiệp định thương mại thế hệ mới, việc thực thi các quy định thương mại của tổ chức thương mại đối với ngành săm lốp xe các loại tạo nhiều cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Kinh tế Việt Nam năm 2020 dự báo ổn định, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nội địa biết tận dụng và nắm bắt cơ hội kịp thời.

- Cùng với sự phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, sự tăng trưởng cao của ngành liên quan là xe hơi, xe máy các loại là cơ hội tốt để các doanh nghiệp sản xuất săm lốp xe tăng trưởng, đặc biệt khi chính sách tăng tỷ lệ nội địa hóa các phương tiện vận tải của Chính phủ Việt Nam được áp dụng.

- Thị trường tiêu thụ nội địa có chiều hướng tích cực, khu vực cung cấp sản phẩm cho các đối tác lắp ráp trong nước khá thuận lợi, các kênh phân phối được mở rộng.

PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Từ những khó khăn và thuận lợi trên, Công ty đã đề ra phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2020 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	% so với thực hiện năm 2019
Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng	358	102,57
Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	916	98,92
Lợi nhuận	Tỷ đồng	21	41,17

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	% so với thực hiện năm 2019	
			Sản xuất	Tiêu thụ
Sản phẩm sản xuất/ tiêu thụ				
1- Lốp xe đạp	Chiếc	3.456.865	109,6	106,6
2- Săm xe đạp	Chiếc	4.341.571	102,1	101,6
3- Lốp xe máy	Chiếc	1.098.395	104,6	101,1
4- Săm xe máy	Chiếc	7.090.212	110,6	104,7
5- Lốp ôtô	Chiếc	281.897	101,7	98,4
6- Săm ôtô	Chiếc	211.452	113,1	105,2
7- Yếm ôtô	Chiếc	88.428	106,1	101,4

Kế hoạch Doanh thu năm 2020 đạt 916 tỷ đồng, đạt 98,92% so với năm 2019
Kế hoạch Lợi nhuận sau thuế 2020 đạt 21 tỷ đồng

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Công tác quản trị doanh nghiệp

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất
- Tổ chức phối hợp tốt giữa các đơn vị trong Công ty, đẩy nhanh việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến để đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng doanh thu bán hàng
- Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư máy móc thiết bị, tích cực tìm các giải pháp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, xây dựng môi trường sản xuất xanh-sạch-đẹp, xây dựng văn hóa Doanh nghiệp.
- Tập trung đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm trong quản lý điều hành tại các đơn vị trong Công ty, khắc phục những tồn tại về mặt chất lượng sản phẩm đã được khách hàng phản ánh nhằm nâng cao uy tín thương hiệu Công ty và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.
- Tăng cường quản lý, giám sát đối với các đơn vị trong việc thực hiện các quy định về quản lý lao động, quản lý định mức vật tư, nguyên liệu, năng lượng, tích cực tìm kiếm và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận ở mức cao nhất.
- Khai thác hiệu quả các máy móc thiết bị đã được đầu tư, tiếp tục nghiên cứu đầu tư một số thiết bị lẻ để thay thế một số máy móc, thiết bị cũ có độ tin cậy thấp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí vận hành, cũng như phục vụ sản xuất một số sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.
- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác bán hàng

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp lốp ô tô, tăng cường các chế độ chăm sóc khách hàng. Thực hiện các chính sách khuyến mãi cho từng dòng sản phẩm, điều chỉnh giá bán cho phù hợp với thị trường cạnh tranh
- Tăng cường công tác phối hợp với các nhà phân phối để mở rộng thị phần, tăng sản lượng tiêu thụ đối với các nhóm sản phẩm, đồng thời xây dựng chính sách riêng đối với nhóm sản phẩm chủ lực, tăng độ bao phủ thị trường.
- Tăng cường công tác bán hàng trực tiếp cho các nhà vận tải lớn, các nhà lắp ráp ô tô
- Hoàn thiện hệ thống bán hàng toàn quốc, tái cơ cấu hệ thống phân phối tại các tỉnh miền Bắc và miền Nam.
- Kiện toàn, nâng cao trình độ nghiệp cụ cho đội ngũ bán hàng nhằm nâng cao khả năng hoạt động và hiệu quả công việc.
- Khai thác hệ thống lắp ráp xe đạp trên toàn quốc do năm 2019 thiếu hàng nên để mất thị phần.
- Có phương án tiếp cận các đơn vị sử dụng trực tiếp tại Miền Bắc thông qua Tập đoàn Hoành Sơn để nâng dần thị phần: trong các năm trước vì giá và không bán do khó thu nợ tuy nhiên năm 2020 nếu thông qua được Hoành Sơn thì sẽ khắc phục được hạn chế trên.
- Tập trung phát triển tiêu thụ lốp xe điện các loại vì đây là thị trường có thể tiêu thụ nếu có giá tốt và yêu cầu chất lượng không quá cao.
- Tiếp tục mở đại lý tại các khu vực sau: Hải Phòng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hồ Chí Minh, Long An, Đồng Tháp, Bạc Liêu.

PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Tập trung khai thác lốp ô tô 14.00-25 để tăng doanh số.
- Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh công tác xuất khẩu, đồng thời phải tăng cường công tác dịch vụ sau bán hàng, giữ vững thị phần ở các thị trường cũ và khai thác thêm thị trường mới.
- Tích cực liên lạc với khách hàng, tìm hiểu nhu cầu sản phẩm, đề xuất phát triển mẫu mã mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm tăng thêm thị phần, tăng thêm doanh thu. Đối với những thị trường doanh số bị suy giảm cần phải xem xét lại năng lực đại lý để tìm kiếm thêm duy trì 02 đối tác hoặc thay thế để giữ thị trường và phát triển thương hiệu.
- Tích cực tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, các hội chợ chuyên nghành quốc tế mới nhằm quảng bá sản phẩm mở rộng thị trường cho hàng hóa xuất khẩu. Mục tiêu cụ thể là hội chợ chuyên nghành lốp khu vực Châu Á và Châu Mỹ.
- Lập kế hoạch đi khảo sát thị trường, gặp gỡ trực tiếp hệ thống đại lý của từng khách hàng, từng thị trường. Trước mắt là thị trường Ai Cập, Campuchia và Indonesia.
- Kết hợp với phòng tài chính xây dựng giá bán cạnh tranh cho từng thị trường.
- Duy trì hệ thống nhận diện thương hiệu theo hướng hiện đại, đồng bộ. Tập trung vào công tác quảng bá sản phẩm theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Thực hiện các chương trình quảng bá thông qua hoạt động sử dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như: mạng xã hội, interner, mobile, ... Tiếp tục củng cố và nâng cao hình ảnh chuyên gia trong ngành lốp.

Công tác lao động tiền lương

- Nghiên cứu, cải tiến chế độ trả lương cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động hăng say công việc, có hiệu quả cao, thu hút lao động có chất lượng làm việc cho Công ty, tạo điều kiện để người lao động yên tâm, gắn bó với Công ty.
- Tích cực tìm kiếm các giải pháp, các kênh tuyển dụng để tuyển dụng lao động bổ sung cho XNCS1, XNCS3, XNLXH, CNCSTB. Kết hợp với các đơn vị tìm giải pháp ngăn chặn việc sụt giảm lao động.

Công tác tài chính

- Phát huy chức năng, nhiệm vụ của công tác Tài chính và luật kế toán trong kiểm soát nội bộ, kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty nhằm nhận diện và đề xuất những biện pháp phòng ngừa rủi ro chống lãng phí, đảm bảo chi phí hợp lý, hợp lệ nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm SRC.
- Kiểm soát chặt chẽ thu chi, công nợ, thanh toán phối hợp với phòng TTBH hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi trong công nợ của khách hàng. Thực hiện cân đối thu chi, thanh toán định kỳ để quản lý chặt chẽ dòng tiền và cân đối tài chính.
- Phối hợp với phòng Kế hoạch Vật tư và các đơn vị được giao mua vật tư trong Công ty theo dõi nắm bắt kịp thời xu hướng giá vật tư, tận dụng khả năng vốn để xem xét dự trữ các loại nguyên liệu chủ yếu một cách hợp lý nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Công tác cơ điện, năng lượng

- Rà soát, hoàn thiện Quy chế hoạt động Cơ điện, thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng thiết bị, định mức chế tạo sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng.
- Thực hiện tốt công tác quản lý thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phục vụ sản xuất tốt. Theo dõi tình trạng thiết bị, kịp thời sửa chữa thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất.
- Tiếp tục áp dụng các biện pháp phấn đấu giảm tỷ lệ chi phí tiêu hao năng lượng (điện, hơi nóng) từ 1% đến 3%.

Công tác khoa học kỹ thuật và đảm bảo chất lượng

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quy trình công nghệ nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm tại các đơn vị trong Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu, khai thác các nguồn nguyên vật liệu có chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh áp dụng cho sản xuất
- Sản xuất săm xe máy từ cao su butyl, hoàn thiện công nghệ để ổn định chất lượng giảm tỷ lệ phế.
- Nghiên cứu sử dụng máng cứng nối đầu săm xe đạp thay thế máng cao su để ổn định đầu nối.
- Nghiên cứu sản xuất săm 4.00-8 TR13 từ cao su thiên nhiên thay thế cao su butyl hiện nay nhằm tiết giảm chi phí sản xuất.
- Nghiên cứu cải thiện chất lượng lốp ô tô với các nội dung chính: Cải thiện khả năng chịu mòn của lốp, cải thiện hiện tượng nứt rãnh hoa đối với lốp hoa dọc, nâng cao chất lượng ngoại quan, giảm tỷ lệ sửa chữa lốp (đặc biệt đối với các quy cách lốp cỡ vành 13-15 inch).
- Rà soát điều kiện lưu hóa sản phẩm hợp lý hóa chi phí năng lượng.
- Nghiên cứu hợp lý và tối ưu hoá các đơn pha chế, thiết kế thi công săm lốp xe đạp, xe máy, ô tô và lốp nông nghiệp nhằm hợp lý hoá chi phí nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí.
- Thiết kế các sản phẩm săm lốp xe đạp, xe máy, ô tô các loại đáp ứng yêu cầu đa dạng hoá sản phẩm của thị trường.
- Nghiên cứu các đơn pha chế sử dụng cho các sản phẩm cao su kỹ thuật đặc biệt.
- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện định mức tiêu hao vật tư, lao động... phù hợp với những thay đổi về thiết bị, công nghệ và nguyên vật liệu. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm vật tư và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng, đào tạo đội ngũ quản lý, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư XDCB theo kế hoạch năm của Công ty, đảm bảo công tác đầu tư hiệu quả kinh tế, kịp thời phục vụ sản xuất.
- Nghiên cứu và triển khai các bước chuẩn bị Dự án xây dựng nhà máy mới và di dời sản xuất từ nhà máy cũ về địa điểm mới.

THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn, nâng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng bằng nguồn vốn vay của Công ty CP Tập đoàn Hoành Sơn, trong đó và thay đổi bổ sung thành viên góp vốn mới với tỷ lệ góp vốn là:

- Công ty CP Tập đoàn Hoành sơn: 44,59%.
- Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Hưng Thịnh Phát: 29,41%.
- Công ty CP Cao Su Sao Vàng: 26%.

04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình chung

Hoạt động của HĐQT năm 2019

Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2020

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2019 là một năm khó khăn đối với ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đã quán triệt công tác chỉ đạo để bảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao phó. Với nhận thức trên HĐQT đã chủ động bám sát việc thực hiện các nhiệm vị sản xuất kinh doanh từng tháng, quý và cùng với nỗ lực của Ban điều hành, tập thể CBCNV toàn Công ty, năm 2019 Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã có kết quả sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Thực hiện	So sánh (%)
Giá trị sản xuất CN theo giá thực tế	**Tỷ đồng**	**921.552**	**897.392**	**97,38**
Doanh thu	Tỷ đồng	922.00	929.147	100,67
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21	51.71	246,24

Nhận xét: Chỉ tiêu sản xuất sản phẩm năm 2019 đạt 97,38% kế hoạch đề ra đầu năm, chỉ bằng 94,5% so với năm 2018. Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm của chỉ tiêu này do sự thiếu hụt lao động, làm ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất của toàn Công ty.

Bên cạnh đó, nhờ nỗ lực điều hành và bám sát thị trường của HĐQT và Ban lãnh đạo công ty, kịp thời có những chính sách giá bán phù hợp với từng giai đoạn của thị trường mà Công ty hoàn thành kế hoạch đề ra với các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận. Cụ thể, doanh thu năm 2019 đạt929.147 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch đầu năm.

Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 246% so với kế hoạch đầu năm, nguyên nhân có thể kể đến do Công ty kiểm soát chặt chẽ việc tiết giảm chi phí bán hàng, chi phí tài chính và định mức sản phẩm.

Hình ảnh một số sản phẩm lốp xe máy có săm của SRC

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	09/NĐ-HĐQT	19/01/2019	Phiên họp HĐQT lần thứ 01: Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I và các giải pháp triển khai thực hiện
2	10/QĐ-HĐQT	21/01/2019	Giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I năm 2019
3	14/QĐ-HĐQT	22/01/2019	Phê duyệt danh sách nhà cung cấp vật tư nhóm I năm 2019
4	21/QĐ-HĐQT	12/02/2019	Cử cán bộ đi nước ngoài (Campuchia)
5	22/QĐ-HĐQT	12/02/2019	Nghỉ hưu chế độ BHXH của ông Mai Chiến Thắng
6	22a/QĐ-HĐQT	20/02/2019	Phê duyệt kế hoạc lựa chọn nhà thầu Giai đoạn: Chuẩn bị đầu tư Công trình: Thay thế thiết bị, hạ công suất máy biến áp 1000 KVA-10/0,4KV xuống 250KVS -10(22)0,4KV, cải tạo biến áp chi nhánh CTCP Cao su Sao Vàng tại Thái Bình để phù hợp với cáp điện áp vận hành 22KV
7	35/NĐ-HĐQT	27/02/2019	Phiên họp HĐQT lần thứ 2 năm 2019: Bổ nhiệm có thời hạn Ông Nguyễn Việt Hùng giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/03/2019
8	36/QĐ-HĐQT	28/02/2019	Bổ nhiệm Tổng giám đóc Công ty
9	39/NĐ-HĐQT	14/03/2019	Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
10	42/QĐ-HĐQT	21/03/2019	Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Mua hơi nóng phục vụ sản xuất tại chi nhánh CTCP Cao su Sao Vàng tại Thái Bình
11	45/NĐ-HĐQT	29/03/2019	Phiên họp HĐQT lần thứ 3 năm 2019: Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2019.
12	46/QĐ-HĐQT	30/03/2019	Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II năm 2019
13	47/QĐ-HĐQT	04/04/2019	Công tác tổ chức nhân sự: Giải thể Trung tâm Cao su Kỹ thuật
14	56/QĐ- HĐQT	10/04/2019	Thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
15	57/NĐ-HĐQT	10/04/2019	Thông qua Báo cáo tài chính, Kế hoạch phân chia lợi nhuân năm 2018
16	66/NĐ-HĐQT	27/04/2019	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
17	70/QĐ-HĐQT	06/05/2019	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Trung Quốc)
18	74/QĐ-HĐQT	13/05/2019	Phê duyệt báo cáo KTKT Hạng mục: Thay thế thiết bị, hạ công suất máy biến áp 1000 KVS-10/0,4KV xuống 250 KVS-10(22)/0,4KV cải tạo biến áp chi nhánh CTCP Cao su Sao Vang tại Thái Bình để phù hợp với cáp điện áp vận hành 22KV
19	75/QĐ-HĐQT	10/05/2019	Phê duyệt Báo cáo KTKT Hạng mục: Đầu tư 01 máy nối đầu bang tải B=1600
20	76/QĐ-HĐQT	20/05/2019	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầy Giai đoạn: Đầu tư xây dựng công trình Công trình: Thay thế thiết bị, hạ công suất máy biến áp 1000 KVA-10/0,4KV xuống 250KVS-10(22)/0,4KV, cải tạo biến áp chi nhánh CTCP Cao su Sao Vàng tại Thái Bình để phù hợp với cáp điện áp vận hành 22 KV
21	77/QĐ-HĐQT	20/05/2019	Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập năm 2019
22	78/QĐ- HĐQT	21/05/2019	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Hạng mục: Đầu tư 01 máy nối đầu bang tải B=1600
23	91/QĐ-HĐQT	14/06/2019	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Hạng mục: Đầu tư 01 máy làm sạch khuân kiểu phun cát
24	93/QĐ-HĐQT	25/06/2019	Phê duyệt Báo cáo KTKT Hạng mục Đầu tư 01 máy lưu hóa yếm 160 tấn
25	98/QĐ-HĐQT	06/07/2019	Cử ông Nguyễn Việt Hùng – TGĐ đi công tác nước ngoài
26	102/QĐ-HĐQT	23/07/2019	Phê duyệt KHLCNT Hạng mục: Đầu tư 02 máy lưu hóa yếm 160 tấn
27	108/NQ-HĐQT	31/07/2019	Thông qua BCTC 6 tháng năm 2019; Giao kế hoạch SXKD quý 3 năm 2019; KH triển khai quy hoạch CB; Phân công nhiệm vụ TV. HĐQT
28	109/QĐ-HĐQT	25/06/2019	Giao kế hoạch SXKD quý 3 năm 2019
29	113/QĐ-HĐQT	16/08/2019	Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch ĐT-XDCB năm 2019
30	119/QĐ-HĐQT	06/09/2019	Phê duyệt báo cáo KTKT Hạng mục: Đầu tư 03 tháp giải nhiệt
31	129/QĐ-HĐQT	16/09/2019	Phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch ĐT-XDCB năm 2019
32	131/NQ-HĐQT	20/09/2019	Thông qua danh sách quy hoạch cán bộ; Kế hoạch thực hiện quy trình bổ nhiệm P.TGĐ Công ty
33	144/NQ-HĐQT	19/10/2019	Thông qua BCTC quý 3 năm 2019;
34	146/QĐ-HĐQT	19/10/2019	Giao kế hoạch SXKD quý 4 năm 2019
35	145/NQ-HĐQT	19/10/2019	Triệu tập cuộc họp bất thường ĐHĐCĐ lần thứ nhất năm 2019 theo đơn đề nghị của nhóm cổ đông sở hữu 24,49% cổ phần có quyền biểu quyết
36	152/QĐ-HĐQT	23/09/2019	Phê duyệt báo cáo KTKT Hạng mục: Đầu tư 01 máy thành hình tự động 25''
37	153/QĐ-HĐQT	23/09/2019	Phê duyệt báo cáo KTKT Hạng mục: Đầu tư 01 lưu hóa 75''
38	160/QĐ-HĐQT	25/11/2019	Giải thể phòng KHKV, thành lập phòng KHVT
39	164/NQ-HĐQT	30/11/2019	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lạo chức vụ P.TGĐ đối với ông Nguyễn Quang Hào
40	179/QĐ-HĐQT	12/12/2019	Phê duyệt KHLCNT Hạng mục: Đầu tư 01 máy thành hình tự động 25''
41	180/QĐ-HĐQT	12/12/2019	Phê duyệt KHLCNT Hạng mục: Đầu tư 01 máy lưu hóa 75''
42	192/NQ-HĐQT	28/12/2019	Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ chủ tịch HĐQT đối với ông Lâm Thái Dương
43	193/QĐ-HĐQT	28/12/2019	Bổ nhiệm ông Phan Duy Phức giữ chức Người phụ trách quản trị Công ty
44	195/NQ-HĐQT	28/12/2019	Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ chủ tịch HĐQT đối vơi sông Phạm Hoành Sơn

Hình ảnh một số sản phẩm lốp xe đạp của SRC

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT	Ngày không còn là TV. HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch HĐQT	16/12/2019		2/2	100%
2	Lâm Thái Dương	TV HĐQT	30/12/2015		12/12	100%
3	Nguyễn Việt Hùng	TV HĐQT-TGĐ	28/4/2018		12/12	100%
4	Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT-KTT	26/4/2016	16/12/2019	10/10	100%
5	Ngô Tuấn Anh	TV HĐQT, TP.TCHC	26/4/2016	27/4/2019	4/4	100%
6	Nguyễn Công Tuấn	TV HĐQT	26/4/2016	27/4/2018	1/4	25%
7	Nguyễn Văn Hùng	TV HĐQT	27/4/2019		7/8	87.5%
8	Nguyễn Văn Thành	TV HĐQT	27/4/2019		7/8	87.5%

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 13 Nghị quyết và 31 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, quyết định phê duyệt, quyết định khác, ...Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành được thực hiện

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng, thu xếp vốn và triển khai hoặc thoái vốn đối với các dự án đầu tư.

Qua quá trình kiểm điểm công tác, cho thấy Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao đáng ghi nhận.

Công ty chưa có các tiểu ban trực thuộc HĐQT

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty năm 2020. Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020
1	Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng	358
2	Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	916
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	21

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, Hội đồng quản trị cần kiên quyết thực hiện các giải pháp sau đây:

- **Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung giám sát hoạt đông của Ban điều hành, các bộ quản lý các mặt hoạt động của Công ty**
- **Đề xuất với Ban điều hành các giải pháp quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý chất lượng. Hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý với đại lý, nhà phân phối.**
- **Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ người có trình độ cao, tay nghề giỏi, từng bước tăng thu nhập cho người lao động.**
- **Xây dựng cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Công ty theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối và tăng hiệu quả.**
- **Rà soát để hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án di dời và sản xuất lốp Radial.**

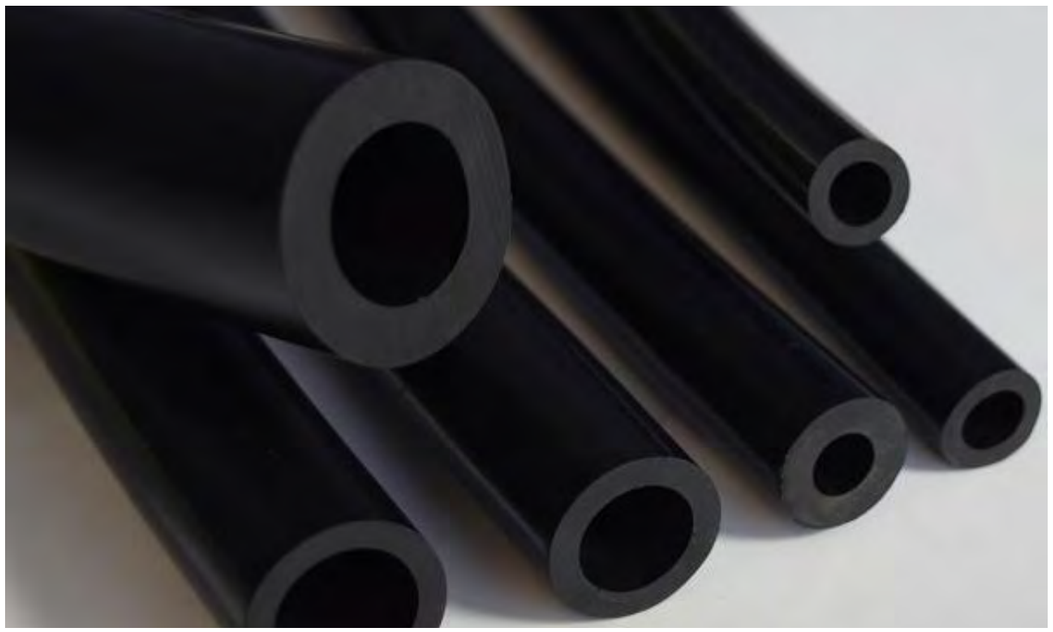

05 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOạt động của Ban kiểm soát năm 2019

Tình hình kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2019

Ban kiểm soát nhận xét và kiến nghị

Phương hướng, nhiệm vụ của BKS năm 2020

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS	Lý do
1	Ông Trần Minh Tuấn	Trưởng BKS	26/04/2016		
2	Ông Hoàng Đức Dũng	TV BKS	26/04/2016	27/4/2019	Từ nhiệm
3	Ông Trần Đình Tùng	TV BKS	26/04/2016	27/4/2019	Từ nhiệm
4	Bà Vũ Thị Mai Nhung	TV BKS	27/04/2016		
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng	TV BKS	27/04/2016		

Trong năm 2019, BKS đã họp định kỳ để triển khai các công việc, thực hiện việc phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên BKS trên các mặt hoạt động của Công ty. Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện kế hoạch năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2019 của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019;
- Kiểm soát thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty CP Philip Carbon Black và Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn theo đúng các quy định của pháp luật;
- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ của từng thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát đã cố gắng thực hiện một cách tốt nhất công việc mình được phân công.

- Kiểm soát việc phân phối lợi nhuận năm 2018 và xây dựng kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019;
- Giám sát việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

TÌNH HÌNH KIỂM TRA GIÁM SÁT CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2019

Kiểm soát công tác tài chính kế toán, Báo cáo tài chính năm

Tổ chức công tác kế toán

- Công ty thực hiện lập và gửi Báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Nhà nước;
- Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các văn bản hiện hành của Nhà nước;
- Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng quy định của chế độ kế toán thống kê. Định kỳ, Công ty thực hiện kiểm kê tiền mặt, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, đối chiếu công nợ (phải thu, phải trả) đầy đủ theo quy định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN.

Báo cáo tài chính năm 2019

- BCTC năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC).
- Qua thẩm tra báo cáo, thảo luận trực tiếp với kiểm toán viên và xem xét các tài liệu liên quan, BKS nhận thấy: Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- BKS nhất trí với các số liệu cũng như báo cáo của kiểm toán viên đã nêu trong Báo cáo tài chính năm 2019, số liệu chi tiết do đại diện của Ban điều hành báo cáo tại Đại hội.

Đầu tư tài chính và góp vốn vào doanh nghiệp khác

- Công ty thực hiện góp vốn liên doanh, liên kết thành lập Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn để triển khai thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoành Sơn". Vốn điều lệ Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn tính đến thời điểm ngày 31/12/2019 là 500 tỷ đồng. Thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước về việc thoái vốn tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn: Công ty đang xây dựng kế hoạch, lộ trình thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.
- Về việc thoái vốn tại Công ty CP Philip Carbon Black Việt Nam theo Nghị quyết số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016: Công ty đang phối hợp tích cực với Công ty CP Cao su Đà Nẵng (DRC) và Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền nam (CSM) thực hiện các công việc liên quan để thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư này, dự kiến đến cuối quý 2/2020 hoàn thành việc thoái vốn. Tính tới thời điểm ngày 31/12/2019 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên với số tiền: 4.169.732.670 đồng.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2019 chủ yếu là thực hiện các hạng mục đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị lẻ, việc xác định nhu cầu đầu tư thay đổi thường xuyên cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản triển khai chậm so với kế hoạch.

TÌNH HÌNH KIỂM TRA GIÁM SÁT CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2019

Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2019

Năm 2019, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết định tập trung chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng. BKS được mời tham dự những cuộc họp của Hội đồng quản trị, qua đó Ban kiểm soát nhận thấy:

- Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp: Các Nghị quyết, quyết định và văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

- Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị đã thể hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2019, chỉ đạo về sản xuất kinh doanh để hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Phân phối lợi nhuận năm 2018 đã thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

- Chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền 3% được chi trả cho các cổ đông theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2019.

- Việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2019 như báo cáo của Hội đồng quản trị.

Kiểm soát các nội dung hoạt động của Ban điều hành

BKS không nhận được các đơn thư kiến nghị hay đề xuất của cổ đông về việc đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện việc điều hành công ty một cách thống nhất, tập trung, đúng theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ.

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2019: Các chỉ tiêu cụ thể, đánh giá và nguyên nhân đã được nêu tại Báo cáo của Ban điều hành, Ban kiểm soát nhất trí với nội dung báo cáo của Ban điều hành.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	TH 2019/KH
1. Giá trị SXCN				
+ Theo giá cố định:	Tỷ đồng	363	349,44	96,3%
+ Theo giá thực tế	Tỷ đồng	921,55	897,39	97,4%
2. Doanh thu	Tỷ đồng	922	926,27	100,5%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21	51,15	243,6%

Các nội dung khác như chi phí đầu vào, các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hóa, các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Qua xem xét Ban Kiểm soát thấy Công ty đã tuân thủ quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.

Các quy chế và quy định của Công ty phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty cổ phần đã được triển khai và hoạt động.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, BKS luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong các cuộc họp. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phù hợp với mục tiêu của Hội đồng quản trị và các chính sách, chế độ quy định.

Ý kiến của các cổ đông

BKS không nhận được ý kiến, đơn thư nào của các cổ đông về hoạt động của Công ty năm 2019.

Hình ảnh một số mẫu lốp xe chuyên dụng của SRC

BAN KIỂM SOÁT NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra năm 2020, đồng thời tăng cường tính công khai minh bạch, Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

1. Tiếp tục rà soát sửa đổi hoàn thiện các quy chế, quy định để phù hợp với hoạt động của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành;

2. Tiếp tục cải tiến các biện pháp quản lý để kiểm soát ổn định chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu cải tiến công nghệ hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

3. Tiếp tục có giải pháp tích cực, nhằm thu hồi các khoản công nợ phải thu khó đòi để đảm bảo việc sử dụng vốn có hiệu quả. Tăng cường quản lý chặt chẽ công tác theo dõi và quản lý công nợ phải thu khách hàng.

4. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng, nâng cao năng lực hệ thống quản lý đáp ứng nhu cầu thực tế. Xây dựng chính sách đãi ngộ tốt hơn để người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và thu hút thêm lao động mới;

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của BKS theo luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, BKS công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch làm việc năm 2020 như sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành. Phối hợp với HĐQT đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, chuẩn hóa các quy định, quy chế, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định của Ban Tổng giám đốc;

2. Định kỳ kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, hoặc bất thường theo quyết định của người có thẩm quyền được quy định tại Điều lệ công ty;

3. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng định mức, các biện pháp tiết giảm chi phí, giảm giá thành;

4. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính;

5. Kiểm tra việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

6. Kiểm soát thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty CP Philip Carbon Black và Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.

7. Thực hiện công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ công ty, của pháp luật, theo yêu cầu của HĐQT và Ban Điều hành.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT 2019

BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 mời quý cơ quan, quý cổ đông xem tại website của công ty www.src.com.vn/co-dong/

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08 tháng 03 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Ông Lâm Thái Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/12/2019
Ông Lâm Thái Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Ông Nguyễn Việt Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Nguyễn Văn Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/12/2019
Ông Ngô Tuấn Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Nguyễn Công Tuấn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2019
Ông Mai Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/03/2019
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2019
Ông Nguyễn Quang Hảo	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15/01/2020
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Minh Tuấn	Trưởng ban	
Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2019
Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Hoàng Đức Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Trần Đình Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính , Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Số: 200220.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính . Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International
aasc.com.vn HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 (Đã điều chỉnh) VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**420.596.305.195**	**436.154.269.363**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**104.339.775.297**	**36.380.391.078**
111	1. Tiền		40.839.775.297	28.380.391.078
112	2. Các khoản tương đương tiền		63.500.000.000	8.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**105.639.521.806**	**108.441.207.014**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	100.554.764.805	102.083.205.621
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.110.629.067	7.275.689.919
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.365.367.106	4.784.961.647
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.391.239.172)	(5.702.650.173)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**9**	**209.687.101.164**	**278.326.374.905**
141	1. Hàng tồn kho		211.599.861.295	278.326.374.905
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.912.760.131)	-
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**929.906.928**	**13.006.296.366**
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		929.906.928	11.598.351.541
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	1.407.944.825
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**386.209.650.340**	**411.402.257.840**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**-**	**679.176.000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	679.176.000
220	**II. Tài sản cố định**		**80.992.557.644**	**93.454.155.678**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	70.740.018.469	65.497.217.284
222	*- Nguyên giá*		*654.420.692.152*	*609.409.982.979*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(583.680.673.683)*	*(543.912.765.695)*
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	6.636.816.153	24.341.215.372
225	*- Nguyên giá*		*14.655.034.023*	*47.293.683.574*
226	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(8.018.217.870)*	*(22.952.468.202)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.615.723.022	3.615.723.022
228	*- Nguyên giá*		*3.615.723.022*	*3.615.723.022*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		-	-
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**7.222.116.834**	**7.048.303.316**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	7.222.116.834	7.048.303.316
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**134.274.329.688**	**135.469.190.854**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		130.000.000.000	130.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.444.062.358	8.444.062.358
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.169.732.670)	(2.974.871.504)
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**163.720.646.174**	**174.751.431.992**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	163.720.646.174	174.751.431.992
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**806.805.955.535**	**847.556.527.203**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**425.467.533.224**	**506.247.678.268**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**141.564.430.484**	**219.805.596.661**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	50.727.483.489	61.775.248.843
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	4.207.842.308	8.811.898.552
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.402.024.879	1.431.279.963
314	4. Phải trả người lao động		19.556.827.726	11.733.831.114
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	309.894.577	428.790.040
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.905.577.127	2.165.186.487
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	57.552.450.183	128.091.871.467
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.902.330.195	5.367.490.195
330	**II. Nợ dài hạn**		**283.903.102.740**	**286.442.081.607**
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	143.500.000.000	143.500.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	134.403.102.740	136.942.081.607
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		6.000.000.000	6.000.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**381.338.422.311**	**341.308.848.935**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**21**	**381.338.422.311**	**341.458.848.935**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		280.657.650.000	280.657.650.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*280.657.650.000*	*280.657.650.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.605	3.605
415	3. Cổ phiếu quỹ		(23.970.000)	(23.970.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		53.303.023.866	49.692.625.661
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.401.714.840	11.132.539.669
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*6.332.021.464*	*7.041.205.967*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*41.069.693.376*	*4.091.333.702*
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		-	(150.000.000)
431	1. Nguồn kinh phí		-	(150.000.000)
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**806.805.955.535**	**847.556.527.203**

Lê Lan Phương	Nguyễn Thanh Tùng	Nguyễn Việt Hùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**23**	**929.146.850.471**	**928.602.819.333**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	2.929.584.434	3.358.590.508
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**926.217.266.037**	**925.244.228.825**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**25**	**764.612.645.850**	**779.876.208.430**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**161.604.620.187**	**145.368.020.395**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	2.079.149.064	1.301.950.130
22	7. Chi phí tài chính	27	10.444.718.998	14.290.647.617
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*6.169.783.926*	*10.024.018.298*
25	8. Chi phí bán hàng	28	33.040.549.803	47.020.294.058
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	69.044.056.564	71.999.110.193
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**51.154.443.886**	**13.359.918.657**
31	11. Thu nhập khác	30	653.371.293	2.549.565.631
32	12. Chi phí khác		97.261.271	61.554.160
40	**13. Lợi nhuận khác**		**556.110.022**	**2.488.011.471**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**51.710.553.908**	**15.847.930.128**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	10.342.110.782	3.169.586.026
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**41.368.443.126**	**12.678.344.102**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**32**	**1.474**	**452**

Bùi Thị Nga	Nguyễn Thanh Tùng	Nguyễn Việt Hùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***51.710.553.908***	***15.847.930.128***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		24.833.657.656	23.455.037.621
03	- Các khoản dự phòng		1.796.210.296	4.036.641.093
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		11.094.426	6.506.244
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.736.789.945)	(2.859.133.732)
06	- Chi phí lãi vay		6.169.783.926	10.024.018.298
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***82.784.510.267***	***50.510.999.652***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		13.803.160.267	625.068.355
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		66.726.513.610	(8.522.204.659)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(11.277.236.002)	9.447.623.037
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.030.785.818	(150.387.514)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.266.283.926)	(10.047.518.298)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.871.853.770)	(5.943.330.952)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		150.000.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.952.237.451)	(6.698.836.969)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***148.127.358.813***	***29.221.412.652***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.299.674.385)	(14.620.432.177)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.718.890.909
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.601.694.052	1.121.206.978
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(6.697.980.333)***	***(11.780.334.290)***
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		230.955.758.993	300.800.583.793
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(295.668.161.946)	(300.530.389.909)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(8.666.436.251)	(9.848.712.335)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(86.908.440)	(14.171.269.963)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(73.465.747.644)***	***(23.749.788.414)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**67.963.630.836**	**(6.308.710.052)**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Đã điều chỉnh) VND
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**36.380.391.078**	**42.696.397.937**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.246.617)	(7.296.807)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**104.339.775.297**	**36.380.391.078**

Lê Lan Phương	Nguyễn Thanh Tùng	Nguyễn Việt Hùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08 tháng 03 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 280.657.650.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 280.657.650.000 đồng; tương đương 28.065.765 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất sản phẩm công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Thái Bình	Kinh doanh sản phẩm cao su
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh sản phẩm cao su
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính được lập tại thời điểm gần nhất của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như phụ cấp độc hại, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính , Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.040.997.910	522.890.715
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.798.777.387	27.857.500.363
Các khoản tương đương tiền	63.500.000.000	8.000.000.000
	104.339.775.297	**36.380.391.078**

Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 63.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2019		01/01/2019 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**130.000.000.000**	-	**130.000.000.000**	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	130.000.000.000	-	130.000.000.000	-
- Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn [1]	**8.444.062.358**	**(4.169.732.670)**	**8.444.062.358**	**(2.974.871.504)**
Đầu tư vào đơn vị khác	8.444.062.358	(4.169.732.670)	8.444.062.358	(2.974.871.504)
- Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam [2]	**138.444.062.358**	**(4.169.732.670)**	**138.444.062.358**	**(2.974.871.504)**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sở hữu 26% tỷ lệ lợi ích và 26% tỷ lệ biểu quyết tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn - Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại Hà Nội. Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn. Theo điều khoản chính của hợp đồng, các bên tham gia sẽ góp vốn thành lập Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoành Sơn" tại 231 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội. Tới thời điểm 31/12/2019, vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn là 500 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng góp 26% vốn điều lệ tương đương 130 tỷ đồng. Trong 130 tỷ đồng. Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 96/BB-HĐQT ngày 19 tháng 06 năm 2018, Công ty đang xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.

(2) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sở hữu 7% tỷ lệ lợi ích và 7% tỷ lệ biểu quyết tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam - Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất than cốc tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2018 đến ngày 31/03/2019 của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Theo Nghị quyết số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng thường niên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng năm 2016, Công ty dự định thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các công việc liên quan để thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư này.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - Chi nhánh tại Hưng Yên	15.311.094.500	(1.209.278.023)	17.125.042.710	(3.216.263.813)
Công ty TNHH Sao Mai Anh	20.552.332.774	-	24.094.059.969	-
Công ty TNHH MTV Công Danh Tu	3.270.470.679	-	2.931.086.186	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Loan Tuyết	6.206.315.887	-	6.115.287.769	-
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoành Sơn	6.121.284.852	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	49.093.266.113	(3.181.961.149)	51.817.728.987	(2.486.386.360)
	100.554.764.805	**(4.391.239.172)**	**102.083.205.621**	**(5.702.650.173)**
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	7.499.397.276	**-**	**1.104.627.032**	**-**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng P&P	-	-	3.401.257.000	-
Phillip Carbon Black LTD	-	-	2.536.712.640	-
BST Elartomers Co.LTD	2.776.972.275	-	-	-
CYN Chem Corporation	1.587.231.360	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	746.425.432	-	1.337.720.279	-
	5.110.629.067	**-**	**7.275.689.919**	**-**

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	157.715.071	-	22.619.178	-
Phải thu người lao động	501.758.128	-	539.138.191	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	123.145	-	2.174.200	-
Tạm ứng	100.000.000	-	4.660.424	-
Ký cược, ký quỹ	14.821.595	-	947.985.852	-
Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	2.966.978.675	-	2.966.978.675	-
Phải thu tiền điện, nước các đối tượng thuê mặt bằng	444.451.323	-	135.590.120	-
Phải thu khác	179.519.169	-	165.815.007	-
	4.365.367.106	**-**	**4.784.961.647**	**-**
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	-	-	679.176.000	-
	-	**-**	**679.176.000**	**-**

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP ôtô An Thái CONECO-Thái Bình	686.000.000	686.000.000	686.000.000	686.000.000
- Nguyễn Thị Hương	1.405.796.517	1.405.796.517	815.845.431	815.845.431
- Công ty CP ô tô TMT chi nhánh Hưng Yên	1.209.278.023	1.209.278.023	3.216.263.813	3.216.263.813
- Công ty TNHH Phú Cường	197.410.290	197.410.290	237.449.850	237.449.850
- Các khoản khác	892.754.342	547.077.919	747.091.079	401.414.656
	4.391.239.172	**4.045.562.749**	**5.702.650.173**	**5.356.973.750**

(*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của khoản nợ xấu căn cứ trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về số nợ có thể thu hồi trong tương lai.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	91.856.365.849	-	134.641.412.934	-
Công cụ, dụng cụ	4.498.535.475	-	4.181.796.176	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.673.598.332	-	5.241.828.809	-
Thành phẩm	106.567.119.914	(1.912.760.131)	133.528.520.158	-
Hàng hoá	4.241.725	-	141.907.738	-
Hàng gửi đi bán	-	-	590.909.090	-
	211.599.861.295	**(1.912.760.131)**	**278.326.374.905**	**-**

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	**6.079.503.307**	**6.496.353.398**
- Dự án di dời và sản xuất lốp radial [1]	6.079.503.307	6.079.503.307
- Xây dựng nhà kho Chi nhánh Thái Bình	-	416.850.091
Mua sắm tài sản cố định	**1.092.913.527**	**551.949.918**
- Máy luyện kín 270 lít XNLXH	624.957.427	551.949.918
- Máy lưu hóa yếm	467.956.100	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	**49.700.000**	**-**
- Sửa chữa máy thành hình lốp xe máy	49.700.000	-
	7.222.116.834	**7.048.303.316**

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0186551460 ngày 13/07/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sẽ thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam. Tính đến thời điểm 31/12/2019, dự án mới phát sinh các chi phí lập hồ sơ thiết kế, đề án tính khả thi để trình Bộ Công Thương phê duyệt và chi phí này sẽ được quyết toán chung vào chi phí di dời và xây dựng nhà máy tại Hà Nam.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	105.406.321.681	462.465.649.464	40.522.800.038	1.015.211.796	609.409.982.979
- Mua trong năm	-	3.194.031.818	1.202.657.929	-	4.396.689.747
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.230.561.704	-	-	-	7.230.561.704
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	33.383.457.722	-	-	33.383.457.722
Số dư cuối năm	**112.636.883.385**	**499.043.139.004**	**41.725.457.967**	**1.015.211.796**	**654.420.692.152**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	87.860.979.859	421.042.864.607	34.098.309.315	910.611.914	543.912.765.695
- Khấu hao trong năm	2.549.443.936	13.299.084.176	1.783.783.555	104.599.882	17.736.911.549
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	22.030.996.439	-	-	22.030.996.439
Số dư cuối năm	**90.410.423.795**	**456.372.945.222**	**35.882.092.870**	**1.015.211.796**	**583.680.673.683**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	17.545.341.822	41.422.784.857	6.424.490.723	104.599.882	65.497.217.284
Tại ngày cuối năm	**22.226.459.590**	**42.670.193.782**	**5.843.365.097**	**-**	**70.740.018.469**
Trong đó:					
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.391.091.399 đồng.					
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 460.619.237.244 đồng.					

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	47.293.683.574
- Thuê tài chính	744.808.171
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(33.383.457.722)
Số dư cuối năm	**14.655.034.023**
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	22.952.468.202
- Trích khấu hao	7.096.746.107
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(22.030.996.439)
Số dư cuối năm	**8.018.217.870**
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	24.341.215.372
Tại ngày cuối năm	**6.636.816.153**

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.615.723.022
Số dư cuối năm	**3.615.723.022**
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	3.615.723.022
Tại ngày cuối năm	**3.615.723.022**

(*)Tài sản cố định vô hình là giá trị của các lô đất có quyền sử dụng đất không thời hạn tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng của Công ty với mục đích sử dụng làm trụ sở văn phòng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.872.154.420	10.688.681.085
Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam để thực hiện dự án (*)	158.410.776.570	162.745.836.570
Chi phí trả trước dài hạn khác	437.715.184	1.316.914.337
	163.720.646.174	**174.751.431.992**

(*) Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 17/HĐTĐ-HVPID ngày 18/07/2016 với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam để thuê lại 212.538 m^2 đất tại Lô E, khu công nghiệp Châu Sơn - thành phố Phủ Lý - tỉnh Hà Nam. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0186551460 ngày 13/07/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sẽ thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam. Tới thời điểm 31/12/2019, Dự án mới phát sinh các chi phí lập hồ sơ thiết kế, đề án tính khả thi để trình Bộ Công thương phê duyệt.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	9.097.682.600	9.097.682.600	8.457.618.100	8.457.618.100
Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	7.078.904.599	7.078.904.599	15.220.044.149	15.220.044.149
Công ty TNHH Chế biến Cao su Đà Nẵng	2.264.385.000	2.264.385.000	1.133.535.000	1.133.535.000
Công ty TNHH Thương mại Trường Sinh	1.424.325.000	1.424.325.000	3.792.700.000	3.792.700.000
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	5.276.250.000	5.276.250.000	4.600.500.000	4.600.500.000
Phải trả các đối tượng khác	25.585.936.290	25.585.936.290	28.570.851.594	28.570.851.594
	50.727.483.489	**50.727.483.489**	**61.775.248.843**	**61.775.248.843**
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	51.422.688	**51.422.688**	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Irshad Tahir Co,ldt-Afghanistan	251.203.904	3.563.877.501
Xk gestalt-investimentos, lda	-	693.468.622
Xk Abu Bader Trading Company	820.363.534	854.608.404
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	3.136.274.870	3.699.944.025
	4.207.842.308	**8.811.898.552**

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	887.884.656	24.773.374.706	25.459.989.274	-	201.270.088
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	200.723.912	200.723.912	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.407.944.825	118.920.855	10.342.110.782	3.871.853.770	-	5.181.233.042
Thuế Thu nhập cá nhân	-	361.532.088	348.146.924	690.157.263	-	19.521.749
Thuế Tài nguyên	-	-	71.136.000	71.136.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	16.069.675.331	16.069.675.331	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	2.700.000	2.700.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	62.942.364	9.384.577	72.326.941	-	-
	1.407.944.825	**1.431.279.963**	**51.817.252.232**	**46.438.562.491**	**-**	**5.402.024.879**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	77.000.000	173.500.000
- Trích trước chi phí phụ cấp độc hại và cơm công nghiệp	232.894.577	255.290.040
	309.894.577	**428.790.040**

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	229.562.628	446.870.040
- Bảo hiểm xã hội	223.934.775	325.580
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	217.067.200	468.833.688
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	795.383.848	882.292.288
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	439.628.676	366.864.891
	1.905.577.127	**2.165.186.487**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	143.500.000.000	143.500.000.000
	143.500.000.000	**143.500.000.000**
c) Phải trả khác là các bên liên quan	**143.500.000.000**	**143.500.000.000**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn hỗ trợ kinh phí để Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng di dời Nhà máy về Khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với số tiền 435.000.000.000 đồng chưa bao gồm các loại thuế, dự kiến chia thành 4 lần chuyển tiền và được thực hiện trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018. Tính đến thời điểm 31/12/2019, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn đã chuyển 02 đợt cho Công ty với số tiền tương ứng là 143.500.000.000 đồng.

Hiện nay, do việc phải triển khai hoàn thiện các thủ tục hồ sơ đang thiếu theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai và quy định về di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, Công ty đã đề nghị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn ký phụ lục giãn tiến độ thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư đến khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Theo phụ lục hợp đồng số 03-18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 02 tháng 07 năm 2018, việc chuyển tiền hỗ trợ đợt 3 với số tiền 150.000.000.000 đồng sẽ được thực hiện đồng thời khi Công ty hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và di dời Nhà máy theo quy định của pháp luật, được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sau khi Công ty đã bàn giao cho Công ty dự án một phần khu đất có diện tích khoảng từ 3ha đến 4 ha. Thời gian chuyển tiền sẽ đồng thời với thời gian bàn giao mặt bằng.

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	**112.231.961.699**	**112.231.961.699**	**288.737.959.756**	**54.444.184.927**	**54.444.184.927**	**54.444.184.927**
- Vay Ngân hàng [1]	109.494.861.440	109.494.861.440	288.050.928.270	51.925.281.946	51.925.281.946	51.925.281.946
- Vay Cá nhân [2]	2.737.100.259	2.737.100.259	468.834.208	687.031.486	2.518.902.981	2.518.902.981
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	**15.859.909.768**	**15.859.909.768**	**3.005.241.087**	**15.756.885.599**	**3.108.265.256**	**3.108.265.256**
- Vay ngân hàng [3]	7.275.216.348	7.275.216.348	1.964.270.180	7.275.216.348	1.964.270.180	1.964.270.180
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả [4]	8.584.693.420	8.584.693.420	1.040.970.907	8.481.669.251	1.143.995.076	1.143.995.076
	128.091.871.467	**128.091.871.467**	**304.494.845.355**	**304.494.845.355**	**57.552.450.183**	**57.552.450.183**
b) Vay dài hạn						
- Vay ngân hàng [3]	13.066.583.559	13.066.583.559		7.275.216.348	5.791.367.211	5.791.367.211
- Nợ thuê tài chính dài hạn [4]	9.735.407.816	9.735.407.816	1.618.787.707	9.634.194.738	1.720.000.785	1.720.000.785
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn [5]	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
	152.801.991.375	**152.801.991.375**	**1.618.787.707**	**16.909.411.086**	**137.511.367.996**	**137.511.367.996**
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(15.859.909.768)	(15.859.909.768)	(3.005.241.087)	(15.756.885.599)	(3.108.265.256)	(3.108.265.256)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	**136.942.081.607**	**136.942.081.607**			**134.403.102.740**	**134.403.102.740**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 23/2019-HĐCVHM/NHCT126-CSSV ngày 05/09/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng với loại tiền vay là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương;
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su;
+ Thời hạn cho vay: Được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng;
+ Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 201.600 USD tương đương 4.682.563.200 đồng và 32.349.643.906 đồng.
+ Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 09/2019-HĐCVHM/NHCT260-SRC ngày 10/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh săm, lốp và các sản phẩm từ cao su;
+ Thời hạn cho vay: Không vượt quá 6 tháng;
+ Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 11.064.585.000 đồng;
+ Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/135074/HĐTD ngày 30/09/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
+ Thời hạn cho vay: theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
+ Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 164.808 USD tương đương 3.828.489.840 đồng;
+ Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

(2) Khoản tiền vay của các cá nhân với thời gian dưới 12 tháng, lãi suất 6%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

(3) Bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 119-2016/HĐTD/NHCT126 ngày 24 tháng 08 năm 2016 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 30,5 tỷ đồng;
+ Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí hợp pháp, hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư máy móc thiết bị theo kế hoạch đầu tư năm 2016-2017;
+ Thời hạn cho vay: 40 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu;
+ Lãi suất cho vay: Căn cứ theo từng giấy nhận nợ;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 482.813.300 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm tới là 482.813.300 đồng;

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo):

Hợp đồng tín dụng số 09/2018-HĐCVDADT/NHCT126-SRC ngày 01 tháng 07 năm 2018 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 40,544 tỷ đồng;
+ Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí hợp pháp, hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư máy móc thiết bị theo kế hoạch đầu tư năm 2017-2018;
+ Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu;
+ Lãi suất cho vay: Căn cứ theo từng giấy nhận nợ;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.308.553.911 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm tới là 1.481.456.880 đồng;
+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: Được quy định cụ thể tại các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa bên cho vay và bên vay.

(4) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm các hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với các thông tin như sau:

+ Số tiền cho thuê: 5.417.675.660 đồng;
+ Mục đích vay: Sử dụng tài sản thuê phục vụ sản xuất kinh doanh;
+ Thời hạn cho vay: 48 tháng;
+ Lãi suất cho vay: Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.720.000.785 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tiếp theo là 1.143.995.076 đồng;

(5) Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn được sử dụng để góp vốn điều lệ tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn, thời hạn vay được điều chỉnh theo lộ trình thoái vốn của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn, lãi suất vay 0%/năm, hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp, số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2019 là 130.000.000.000 đồng.

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	31/12/2019		01/01/2019	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn (1)	130.000.000.000	-	130.000.000.000	-
	130.000.000.000	**-**	**130.000.000.000**	**-**

Mối quan hệ:

(1) Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành sơn cùng chung Chủ tịch Hội đồng quản trị

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**280.657.650.000**	**3.605**	**(23.970.000)**	**50.011.480.090**	**12.342.997.290**	**342.988.160.985**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	12.678.344.102	12.678.344.102
Chi trả cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(5.612.673.600)	(5.612.673.600)
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(8.419.010.400)	(8.419.010.400)
Phân phối quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(93.000.000)	(93.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	-	-	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Điều chỉnh lại phân phối lợi nhuận các năm trước theo biên bản kiểm toán Nhà Nước	-	-	-	(318.854.429)	403.882.277	85.027.848
Số dư cuối năm trước	**280.657.650.000**	**3.605**	**(23.970.000)**	**49.692.625.661**	**11.132.539.669**	**341.458.848.935**
Số dư đầu năm nay	**280.657.650.000**	**3.605**	**(23.970.000)**	**49.692.625.661**	**11.132.539.669**	**341.458.848.935**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	41.368.443.126	41.368.443.126
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.190.120.000)	(1.190.120.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	-	-	-	-	(202.000.000)	(202.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.610.398.205	(3.610.398.205)	-
Điều chỉnh phạt vi phạm hành chính	-	-	-	-	(96.749.750)	(96.749.750)
Số dư cuối năm nay	**280.657.650.000**	**3.605**	**(23.970.000)**	**53.303.023.866**	**47.401.714.840**	**381.338.422.311**

(*) Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được ghi nhận căn cứ vào quyết toán thù lao HDQT và BKS được đại hội cổ đông phê duyệt

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm trước	7.041.205.967
Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2018	12.202.660.683
Chi thù lao cho Hội đồng quản trị	168.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%)	3.610.398.205
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	107.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (9%)	1.083.120.000
Chi trả cổ tức (bằng 3% vốn điều lệ) (*)	8.419.010.400
Lợi nhuận chưa phân phối	5.856.338.045

(*) Công ty đã tạm chia số cổ tức này trong năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 158/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2018 và thông báo chốt quyền chia cổ tức ngày 27 tháng 11 năm 2018.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	36,00%	101.041.150.000	51,00%	143.139.150.000
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	8,42%	23.638.400.000	5,01%	14.057.800.000
Các cổ đông khác	55,57%	155.954.130.000	43,98%	123.436.730.000
Cổ phiếu quỹ	0,01%	23.970.000	0,01%	23.970.000
	100%	**280.657.650.000**	**100%**	**280.657.650.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	280.657.650.000	280.657.650.000
- *Vốn góp đầu năm*	*280.657.650.000*	*280.657.650.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*280.657.650.000*	*280.657.650.000*
Cổ tức, lợi nhuận:		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	*882.292.288*	*1.021.878.251*
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	-	*14.031.684.000*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	5.612.673.600
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	8.419.010.400
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(86.908.440)*	*(14.171.269.963)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(86.908.440)	(5.752.259.563)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	*(8.419.010.400)*
- *Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm*	*795.383.848*	*882.292.288*

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	28.065.765	28.065.765
- *Cổ phiếu phổ thông*	*28.065.765*	*28.065.765*
Số lượng cổ phiếu được mua lại *(cổ phiếu quỹ)*	2.397	2.397
- *Cổ phiếu phổ thông*	*2.397*	*2.397*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
- *Cổ phiếu phổ thông*	*28.063.368*	*28.063.368*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	53.303.023.866	49.692.625.661
	53.303.023.866	**49.692.625.661**

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 183/HĐTĐ ngày 21 tháng 07 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội với diện tích 62.438 m^2 tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình và Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với mục đích sử dụng đất làm trụ sở Công ty, cửa hàng kinh doanh, dịch vụ. Thời hạn thuê đất từ ngày 24 tháng 10 năm 2005 đến ngày 24 tháng 10 năm 2055 với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Ngoài ra, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất tại Lô E, khu công nghiệp Châu Sơn - thành phố Phủ Lý - tỉnh Hà Nam. Thông tin về hợp đồng thuê đất được trình bày tại thuyết minh số 12- "chi phí trả trước dài hạn".

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	435.283,45	97.911,45

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	915.204.569.160	915.855.969.224
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.892.850.711	10.726.541.629
Doanh thu bán vật tư	2.049.430.600	2.020.308.480
	929.146.850.471	**928.602.819.333**
Doanh thu đối với các bên liên quan	**10.996.862.317**	**5.746.008.400**
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)		

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	2.929.584.434	3.358.590.508
	2.929.584.434	**3.358.590.508**

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	761.128.945.791	778.172.668.120
Giá vốn của vật tư đã bán	1.570.939.928	1.703.540.310
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.912.760.131	-
	764.612.645.850	**779.876.208.430**

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.736.789.945	540.242.823
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	342.359.119	161.707.307
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	600.000.000
	2.079.149.064	**1.301.950.130**

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.169.783.926	10.024.018.298
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	3.007.497.000	3.367.855.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	61.482.480	643.605.495
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	11.094.426	6.506.244
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.194.861.166	248.662.580
	10.444.718.998	**14.290.647.617**

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.659.896.578	4.662.788.902
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.475.369	217.493.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.336.593.091	21.854.802.722
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	3.223.566.289	6.932.595.391
Chi phí bán hàng khác	4.592.018.476	13.352.613.341
	33.040.549.803	**47.020.294.058**

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	28.732.296.850	30.130.035.049
Thuế, phí, lệ phí	17.327.266.415	16.538.078.566
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.311.411.001)	3.787.978.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.681.229.847	12.417.144.183
Chi phí khác bằng tiền	11.614.674.453	9.125.873.882
	69.044.056.564	**71.999.110.193**

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.718.890.909
Thu nhập từ bán vật tư, phế liệu	417.617.184	792.480.750
Thuế nhập khẩu được giảm	58.788.329	-
Thu nhập khác	176.965.780	38.193.972
	653.371.293	**2.549.565.631**

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.710.553.908	15.847.930.128
Thu nhập chịu thuế TNDN	51.710.553.908	15.847.930.128
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**10.342.110.782**	**3.169.586.026**
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN phải nộp của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	1.484.720.956
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(1.289.023.970)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.871.853.770)	(5.943.330.952)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**5.181.233.042**	**(1.289.023.970)**

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	41.368.443.126	12.678.344.102
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	41.368.443.126	12.678.344.102
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	28.063.368	28.063.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.474**	**452**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	570.432.254.179	660.734.318.371
Chi phí nhân công	114.643.778.982	112.495.333.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.833.657.656	23.455.037.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.150.919.845	32.597.549.522
Chi phí khác bằng tiền	86.522.008.301	97.362.699.680
	833.582.618.963	**926.644.939.139**

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.339.775.297	-	36.380.391.078	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	104.920.131.911	(4.391.239.172)	107.547.343.268	(5.702.650.173)
	209.259.907.208	**(4.391.239.172)**	**143.927.734.346**	**(5.702.650.173)**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	191.955.552.923	265.033.953.074
Phải trả người bán, phải trả khác	196.133.060.616	207.440.435.330
Chi phí phải trả	309.894.577	428.790.040
	388.398.508.116	**472.903.178.444**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.339.775.297	-	-	104.339.775.297
Phải thu khách hàng, phải thu khác	100.528.892.739	-	-	100.528.892.739
	204.868.668.036	**-**	**-**	**204.868.668.036**
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.380.391.078	-	-	36.380.391.078
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.165.517.095	679.176.000	-	101.844.693.095
	137.545.908.173	**679.176.000**	**-**	**138.225.084.173**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	57.552.450.183	134.403.102.740	-	191.955.552.923
Phải trả người bán, phải trả khác	52.633.060.616	143.500.000.000	-	196.133.060.616
Chi phí phải trả	309.894.577	-	-	309.894.577
	110.495.405.376	**277.903.102.740**	**-**	**388.398.508.116**
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	128.091.871.467	136.942.081.607	-	265.033.953.074
Phải trả người bán, phải trả khác	63.940.435.330	143.500.000.000	-	207.440.435.330
Chi phí phải trả	428.790.040	-	-	428.790.040
	192.461.096.837	**280.442.081.607**	**-**	**472.903.178.444**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính

35 . THÔNG TIN KHÁC

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoành Sơn". Theo đó, Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn được thành lập và chịu trách nhiệm triển khai dự án. Tính đến thời điểm 31/12/2019, dự án vẫn đang tiếp tục thực hiện giai đoạn 1 là hoàn thành thủ tục pháp lý.

Hiện nay, do việc triển khai hoàn thiện các thủ tục hồ sơ đang thiếu theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai và quy định về di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành gửi công văn số 448/CV-TCKT ngày 19/03/2018 đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn đề nghị ký phụ lục giãn tiến độ thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư đến khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý nêu trên và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thông tin liên quan đến phụ lục giãn tiến độ thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư được trình bày tại thuyết minh số 19 - "Phải trả khác".

Ngoài ra, từ năm 2018, theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước năm 2017, Công ty đang xây dựng kế hoạch thoái hết phần vốn góp tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn, thực hiện triển khai Hợp đồng hợp tác đầu tư theo đúng các quy định của Pháp luật và bảo toàn vốn Nhà nước đầu tư. Sang năm 2019, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã thoái một phần vốn góp tại Công ty (giảm tỷ lệ sở hữu từ 51% xuống 36%) và không còn là cổ đông chi phối của Công ty, do vậy kế hoạch cụ thể đối với khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng- Hoành Sơn sẽ được xem xét trong thời gian tới.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty là sản xuất và bán các loại sản phẩm từ cao su do Công ty tự sản xuất. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	172.237.523.281	495.412.532.339	133.579.852.523	124.987.357.894	926.217.266.037
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	806.805.955.535
Tổng chi phí mua TSCD	-	-	-	-	12.496.173.140

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		**10.996.862.317**	**5.746.008.400**
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hoá Chất Lâm thao	(1)	1.161.050.000	1.981.210.000
Công ty TNHH MTV APATIT Việt Nam	(1)	1.288.179.200	1.410.750.000
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	(1)	112.763.200	492.738.400
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	(1)	297.000.000	594.000.000
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	(1)	1.704.965.273	1.267.310.000
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	(1)	311.619.792	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	(2)	6.121.284.852	-
Mua hàng hoá và dịch vụ		**146.580.948**	**441.638.910**
Công ty Cổ phần Cao su Đà nẵng	(1)	14.850.000	65.560.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất	(1)	80.308.260	281.078.910
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hóa chất	(1)	-	95.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	(2)	51.422.688	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu khách hàng		**7.499.397.276**	**1.104.627.032**
Công ty TNHH MTV APATIT Việt Nam	(1)	604.251.600	7.000.000
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	(1)	160.401.032	288.599.032
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	(1)	117.700.000	299.838.000
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	(1)	311.619.792	238.040.000
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hoá chất Lâm thao	(1)	184.140.000	271.150.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	(2)	6.121.284.852	-
Phải trả người bán ngắn hạn		**51.422.688**	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	(2)	51.422.688	-
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn		**143.500.000.000**	**143.500.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	(2)	143.500.000.000	143.500.000.000

(1): Các đơn vị thành viên của Tập đoàn hóa chất Việt Nam - cổ đông có ảnh hưởng đáng kể của Công ty
(2): Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị với Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	516.688.000	398.362.490
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.174.874.529	1.601.393.757

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 căn cứ trên Biên bản kiểm toán Nhà Nước ngày 24 tháng 07 năm 2019 và thực tế các khoản mục được phân loại lại, theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2018 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên BCTC đã được kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
Bảng cân đối kế toán					
Hàng tồn kho	141	278.192.742.905	278.326.374.905	133.632.000	(1)
Tài sản cố định hữu hình	221	64.692.701.440	65.497.217.284	804.515.844	(2)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	24.325.129.165	24.341.215.372	16.086.207	(2)
Chi phí trả trước dài hạn	261	174.723.361.822	174.751.431.992	28.070.170	(3)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	924.659.161	1.431.279.963	506.620.802	(4)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	129.139.398.743	128.091.871.467	(1.047.527.276)	(5)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	135.894.554.331	136.942.081.607	1.047.527.276	(5)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.656.856.250	11.132.539.669	475.683.419	(6)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	780.814.356.274	779.876.208.430	(938.147.844)	(1,2)
Chi phí bán hàng	25	46.695.536.475	47.020.294.058	324.757.583	(4)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	71.980.324.206	71.999.110.193	18.785.987	(3,4)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.050.665.171	3.169.586.026	118.920.855	(6)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	12.202.660.683	12.678.344.102	475.683.419	(1,2,3)

	Mã số	Số liệu trên BCTC đã được kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	15.253.325.854	15.847.930.128	594.604.274	
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	23.254.024.165	23.455.037.621	201.013.456	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.388.572.659)	(8.522.204.659)	(133.632.000)	
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp	11	9.059.923.090	9.447.623.037	387.699.947	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(122.317.344)	(150.387.514)	(28.070.170)	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.598.816.670)	(14.620.432.177)	(1.021.615.507)	

(1): Điều chỉnh tăng hàng tồn kho do xuất phụ tùng chưa sử dụng vào giá thành sản xuất;

(2): Điều chỉnh tăng TSCĐ và tính lại khấu hao do hạch toán nâng cấp TSCĐ vào giá thành sản xuất và tính bổ sung thuế nhà thầu vào nguyên giá TSCĐ thuê tài chính;

(3): Điều chỉnh phân bổ chi phí bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm xe ô tô;

(4): Điều chỉnh tăng nghĩa vụ thuế GTGT, thuế TNDN và thuế nhà thầu;

(5): Điều chỉnh phân loại lại khoản vay theo kỳ hạn trả nợ;

(4): Điều chỉnh tăng nghĩa vụ thuế GTGT, thuế TNDN và thuế nhà thầu;

(6): Ảnh hưởng của các điều chỉnh trên đến nghĩa vụ thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế.

Lê Lan Phương	**Nguyễn Thanh Tùng**	**Nguyễn Việt Hưng**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020